

Chương mở đầu
ĐỐI TƯỢNG, PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU VÀ Ý NGHĨA HỌC TẬP
MÔN TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH

I. Đối tượng nghiên cứu

1. Khái niệm tư tưởng và tư tưởng Hồ Chí Minh

a. Khái niệm tư tưởng và nhà tư tưởng

- Tư tưởng: trong thuật ngữ “*tư tưởng Hồ Chí Minh*”, khái niệm tư tưởng được hiểu với ý nghĩa là một hệ thống những quan điểm, quan niệm, luận điểm được xây dựng trên một nền tảng triết học (thế giới quan và phương pháp luận) nhất quán, đại biểu cho ý chí, nguyện vọng của một giai cấp, một dân tộc, được hình thành trên cơ sở thực tiễn nhất định và trở lại chỉ đạo hoạt động thực tiễn, cải tạo hiện thực.

- Nhà tư tưởng: theo Lenin, một người xứng đáng là nhà tư tưởng khi người đó biết giải quyết trước người khác tất cả những vấn đề chính trị - sách lược, các vấn đề về tổ chức, về những yếu tố vật chất của phong trào không phải một cách tự phát.

b. Định nghĩa tư tưởng Hồ Chí Minh

Tư tưởng Hồ Chí Minh là một hệ thống quan điểm toàn diện và sâu sắc về những vấn đề cơ bản của cách mạng Việt Nam, kết quả của sự vận dụng và phát triển sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lenin vào điều kiện cụ thể nước ta, kế thừa và phát triển các giá trị truyền thống tốt đẹp của dân tộc, tiếp thu văn hóa nhân loại; là tài sản tinh thần vô cùng to lớn và quý giá của Đảng và dân tộc ta, soi đường cho sự nghiệp cách mạng của nhân dân ta giành thắng lợi.

2. Đối tượng và nhiệm vụ của môn học Tư tưởng Hồ Chí Minh

a. Đối tượng nghiên cứu

- Hệ thống quan điểm, quan niệm, lý luận về cách mạng Việt Nam mà cốt lõi là tư tưởng về độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội.

- Quá trình vận động, hiện thực hoá các quan điểm, lý luận của Hồ Chí Minh trong thực tiễn cách mạng Việt Nam.

b. Nhiệm vụ nghiên cứu

Môn học Tư tưởng Hồ Chí Minh có nhiệm vụ đi sâu nghiên cứu làm rõ các nội dung:

- Cơ sở hình thành tư tưởng Hồ Chí Minh, qua đó khẳng định sự ra đời của tư tưởng Hồ Chí Minh là một tất yếu khách quan và giải đáp các vấn đề lịch sử dân tộc đặt ra;
- Các giai đoạn hình thành, phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh;
- Nội dung, bản chất cách mạng, khoa học, đặc điểm của các quan điểm trong hệ thống tư tưởng Hồ Chí Minh;
- Vai trò nền tảng tư tưởng, kim chỉ nam hành động của tư tưởng Hồ Chí Minh đối với cách mạng Việt Nam;
- Quá trình nhận thức, vận dụng, phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh qua các giai đoạn cách mạng của Đảng và Nhà nước;
- Các giá trị tư tưởng, lý luận của Hồ Chí Minh đối với kho tàng tư tưởng, lý luận cách mạng thế giới của thời đại.

3. Mối quan hệ môn học này với môn học Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin và môn Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam.

- Với môn học Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin: chủ nghĩa Mác – Lênin là cơ sở thế giới quan, phương pháp luận, nguồn gốc tư tưởng, lý luận trực tiếp quyết định bản chất cách mạng, khoa học của tư tưởng Hồ Chí Minh. Tư tưởng Hồ Chí Minh là sự vận dụng sáng tạo và phát triển chủ nghĩa Mác - Lênin vào điều kiện thực tế Việt Nam. Vì vậy, muốn học tập, nghiên cứu tốt môn Tư tưởng Hồ Chí Minh phải nắm vững kiến thức về những nguyên lý của chủ nghĩa Mác - Lênin.

- Với môn học Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam: cùng với chủ nghĩa Mác – Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh là cơ sở khoa học để Đảng xây dựng đường lối chiến lược, sách lược cách mạng. Vì vậy, học tập, nghiên cứu tư tưởng Hồ Chí Minh trang bị cơ sở thế giới quan, phương pháp luận khoa học để nắm vững kiến thức về đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam.

II. Phương pháp nghiên cứu

1. Cơ sở phương pháp luận

Nghiên cứu, giảng dạy, học tập môn học tư tưởng HỒ Chí Minh phải trên cơ sở thế giới quan, phương pháp luận khoa học chủ nghĩa Mác - Lênin và bản thân các quan điểm có giá trị phương pháp luận của HỒ Chí Minh. Cần chú ý một số nguyên tắc phương pháp luận sau:

- Bảo đảm sự thống nhất nguyên tắc tính Đảng và tính khoa học
- Quan điểm thực tiễn và nguyên tắc lý luận gắn liền với thực tiễn
- Quan điểm lịch sử - cụ thể
- Quan điểm toàn diện và hệ thống
- Quan điểm kế thừa và phát triển
- Kết hợp nghiên cứu các tác phẩm với thực tiễn chỉ đạo cách mạng của HỒ Chí Minh.

2. Các phương pháp cụ thể

- Phương pháp lịch sử, phương pháp lôgic
- Các phương pháp liên ngành khoa học xã hội - nhân văn, lý luận chính trị
- Phương pháp phân tích, tổng hợp, so sánh, đối chiếu, thống kê, văn bản học, phỏng vấn nhân chứng lịch sử...

III. Ý nghĩa của việc học tập môn học đối với sinh viên

- Nâng cao năng lực tư duy lý luận và phương pháp công tác:

+ Nâng cao nhận thức về vai trò, vị trí của tư tưởng HỒ Chí Minh đối với đời sống cách mạng Việt Nam, làm cho tư tưởng của Người ngày càng giữ vai trò chủ đạo trong đời sống tinh thần của thế hệ trẻ.

+ Bồi dưỡng, củng cố cho sinh viên lập trường, quan điểm cách mạng; kiên định mục tiêu cách mạng, tích cực đấu tranh chống những quan điểm sai trái; biết vận dụng tư tưởng HỒ Chí Minh vào thực tiễn cuộc sống.

- Bồi dưỡng phẩm chất đạo đức cách mạng và rèn luyện bản lĩnh chính trị:

+ Học tập tư tưởng HỒ Chí Minh giúp nâng cao lòng tự hào về Bác, về Đảng, về Tổ quốc, tự nguyện sống, chiến đấu, lao động, học tập theo gương Bác

+ Trên cơ sở kiến thức đã học, sinh viên vận dụng vào cuộc sống, tu dưỡng, rèn luyện bản thân, hoàn thành tốt chức trách của mình, đóng góp thiết thực vào sự nghiệp cách mạng.

Chương 1

CƠ SỞ, QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH

I. Cơ sở hình thành tư tưởng Hồ Chí Minh

1. Cơ sở khách quan

a. Bối cảnh lịch sử hình thành tư tưởng Hồ Chí Minh

- Lịch sử Việt Nam cuối thế kỷ XIX, đầu thế kỷ XX: chính quyền triều Nguyễn từng bước khuất phục trước cuộc xâm lược của tư bản Pháp, lần lượt ký kết các hiệp ước đầu hàng. Các phong trào yêu nước theo hệ tư tưởng phong kiến, theo xu hướng dân chủ tư sản đều lần lượt thất bại. Phong trào cứu nước của nhân dân ta muốn giành được thắng lợi, phải đi theo một con đường mới.

- Bối cảnh thời đại:

+ Chủ nghĩa đế quốc đã xác lập quyền thống trị trên phạm vi toàn thế giới, trở thành kẻ thù chung của các dân tộc thuộc địa. Tại các thuộc địa, sự bóc lột phong kiến vẫn được duy trì và bao trùm lên nó là sự bóc lột TBCN. Bên cạnh các giai cấp cũ, xuất hiện thêm các giai cấp, tầng lớp xã hội mới, trong đó có giai cấp công nhân và giai cấp tư sản.

+ Phong trào đấu tranh của giai cấp công nhân các nước TBCN diễn ra sôi nổi với đỉnh cao là thắng lợi của Cách mạng Tháng Mười Nga (1917) mở ra thời kỳ mới trong lịch sử loài người, “thời đại cách mạng chống đế quốc, thời đại giải phóng dân tộc”. Nhiều dân tộc vốn là thuộc địa của đế quốc Nga được tự do, hình thành các quốc gia độc lập và dẫn đến sự ra đời của Liên bang cộng hòa xã hội chủ nghĩa Xô Viết (1922).

+ Sự ra đời của Quốc tế Cộng sản (1919) đã thúc đẩy sự phát triển và mối quan hệ giữa phong trào công nhân trong các nước TBCN và phong trào giải phóng dân tộc ở các nước thuộc địa trong cuộc đấu tranh chống CNĐQ.

b. Những tiền đề tư tưởng lý luận

- Giá trị truyền thống dân tộc:

+ Chủ nghĩa yêu nước là tư tưởng, tình cảm cao quý, thiêng liêng nhất, là cội nguồn của trí tuệ sáng tạo và lòng dũng cảm của người Việt Nam, là chuẩn mực đạo đức cơ bản của dân tộc. Đó là sức mạnh thúc giục Hồ Chí Minh ra đi tìm đường cứu nước.

- + Tinh thần tương thân tương ái, lòng nhân nghĩa, ý thức cố kết cộng đồng;
- + Ý chí kiên cường, bất khuất, vươn lên vượt qua mọi khó khăn thử thách;
- + Trí thông minh, sáng tạo, quý trọng hiền tài, khiêm tốn tiếp thu tinh

hoa văn hoá nhân loại.

- Tinh hoa văn hoá nhân loại:

+ Phương Đông:

* Nho giáo: Hồ Chí Minh tiếp thu những mặt tích cực của Nho giáo như triết lý hành động, tư tưởng nhập thế, hành đạo, giúp đời, ước vọng về một xã hội bình trị, hoà mục, hoà đồng, triết lý nhân sinh, tu thân dưỡng tính, đề cao văn hoá lễ giáo, tạo ra truyền thống hiếu học...

* Phật giáo: Hồ Chí Minh tiếp thu và chịu ảnh hưởng sâu sắc các tư tưởng vị tha, từ bi bác ái, cứu khổ cứu nạn, nếp sống có đạo đức, trong sạch, giản dị, chăm lo làm việc thiện; tinh thần bình đẳng, dân chủ, chống phân biệt đẳng cấp, đề cao lao động, chống lười biếng, gắn bó với nhân dân, với đất nước

* Chủ nghĩa Tam dân của Tôn Trung Sơn

+ Phương Tây: Hồ Chí Minh tiếp thu nền văn hoá dân chủ và cách mạng phương Tây; các tư tưởng về tự do, bình đẳng qua các tác phẩm của các nhà khai sáng Pháp; tiếp thu các giá trị của bản Tuyên ngôn nhân quyền và dân quyền của đại cách mạng Pháp, các giá trị về quyền sống, quyền tự do, quyền mưu cầu hạnh phúc của Tuyên ngôn độc lập nước Mỹ.

- Chủ nghĩa Mác - Lênin:

+ Chủ nghĩa Mác - Lênin là cơ sở thế giới quan và phương pháp luận của tư tưởng Hồ Chí Minh.

+ Hồ Chí Minh tiếp thu lý luận Mác - Lênin theo phương pháp Mác - xít. Người vận dụng lập trường, quan điểm, phương pháp biện chứng của chủ nghĩa Mác - Lênin để tổng kết kiến thức và kinh nghiệm thực tiễn, tìm ra con đường cứu nước, giải quyết những vấn đề thực tiễn của cách mạng Việt Nam.

2. Nhân tố chủ quan

- Khả năng tư duy và trí tuệ: Người không ngừng quan sát, nhận xét thực tiễn, làm phong phú thêm sự hiểu biết, khám phá các quy luật vận động xã hội, cuộc đấu tranh của các dân tộc để khái quát thành lý luận, đem lý luận chỉ đạo hoạt động thực tiễn.

- Phẩm chất đạo đức và năng lực hoạt động thực tiễn:

+ Tư duy độc lập, tự chủ, sáng tạo, óc phê phán tinh tường, sáng suốt trong việc nhận xét, đánh giá các sự vật, sự việc.

+ Bản lĩnh kiên định, khiêm tốn, bình dị, ham học hỏi, nhạy bén với cái mới, có phương pháp biện chứng, có đầu óc thực tiễn.

+ Sự khổ công học tập để chiếm lĩnh tri thức, là một người yêu nước chân chính, chiến sỹ cộng sản nhiệt thành cách mạng, yêu nước thương dân, đức hy sinh vì lợi ích của Tổ quốc và nhân dân.

II. Quá trình hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh

1. Thời kỳ trước năm 1911: Hình thành tư tưởng yêu nước và chí hướng cứu nước

- Hồ Chí Minh tiếp thu tư tưởng yêu nước thương dân, tư tưởng thân dân, lấy dân làm hậu thuẫn cho các cải cách chính trị - xã hội, ý thức lao động cần cù, ý chí kiên cường vượt qua gian khổ, phẩm chất nhân hậu, sống chan hoà với mọi người từ những người thân trong gia đình; kế thừa truyền thống văn hoá, truyền thống lao động, đấu tranh chống ngoại xâm của quê hương.

- Chứng kiến cuộc sống nghèo khổ, bị áp bức bóc lột của đồng bào, chứng kiến tội ác của thực dân Pháp và thái độ của bọn phong kiến Nam triều; chứng kiến những thất bại của các nhà yêu nước tiền bối và đương thời... Tất cả đã thôi thúc Người ra đi tìm đường cứu nước.

2. Thời kỳ từ năm 1911 - 1920: Tìm thấy con đường cứu nước, giải phóng dân tộc.

- Xuất phát từ ý thức dân tộc, từ hoài bão cứu nước Nguyễn Tất Thành ra đi tìm đường cứu nước. Cuộc hành trình qua nhiều nước trên thế giới giúp Người chứng kiến cảnh sống khổ cực, bị áp bức, bóc lột và mong muốn được giải phóng của người dân lao động, nảy sinh ý thức về sự cần thiết phải đoàn kết những người bị áp bức để đấu tranh cho quyền lợi và nguyện vọng chung.

- Năm 1919, Người gửi tới Hội nghị Véc – xây *Bản yêu sách của nhân dân An Nam*, đòi Chính phủ Pháp thừa nhận các quyền tự do, dân chủ và bình đẳng của

nhân dân Việt Nam, vạch trần tội ác của thực dân Pháp, làm cho nhân dân thế giới và nhân dân Pháp phải chú ý tới tình hình Việt Nam và Đông Dương.

- Tháng 7/1920 Người đọc *Sơ thảo lần thứ nhất những luận cương về vấn đề dân tộc và vấn đề thuộc địa* của Lênin. Luận cương đã giải đáp cho Người con đường giành độc lập cho dân tộc và tự do cho đồng bào.

- Tháng 12/1920 Nguyễn ái Quốc biểu quyết tán thành Quốc tế III, tham gia thành lập Đảng Cộng sản Pháp, trở thành người cộng sản Việt Nam đầu tiên, đánh dấu bước chuyển về chất trong tư tưởng Nguyễn ái Quốc, từ chủ nghĩa yêu nước đến với chủ nghĩa Lênin, từ giác ngộ dân tộc đến giác ngộ giai cấp, từ người yêu nước trở thành người cộng sản.

3. Thời kỳ 1921 - 1930: Hình thành cơ bản tư tưởng về cách mạng Việt Nam

- Nguyễn ái Quốc tiếp tục có những hoạt động thực tiễn và lý luận phong phú, viết nhiều bài báo tố cáo chủ nghĩa thực dân, đề cập đến mối quan hệ giữa cách mạng thuộc địa và cách mạng vô sản ở chính quốc,...

- Các tác phẩm của Nguyễn ái Quốc như *Bản án chế độ thực dân Pháp* (1925), *Đường Cách mệnh* (1927), *Cương lĩnh đầu tiên của Đảng* (1930) và nhiều bài viết khác của Người trong thời kỳ này là sự phát triển và tiếp tục hoàn thiện tư tưởng về giải phóng dân tộc. Các tác phẩm đó đề cập tới những nội dung cơ bản sau:

- + Bản chất của chủ nghĩa thực dân
- + Con đường của cách mạng giải phóng dân tộc trong thời đại mới
- + Mối quan hệ giữa cách mạng giải phóng dân tộc ở thuộc địa và cách mạng vô sản ở chính quốc.
- + Mục tiêu trước hết của cách mạng thuộc địa.
- + Lực lượng của cách mạng giải phóng dân tộc ở thuộc địa
- + Vai trò lãnh đạo của Đảng Cộng sản.
- + Công tác tập hợp quần chúng làm cách mạng

4. Thời kỳ 1930 - 1945: Vượt qua thử thách, kiên trì giữ vững lập trường cách mạng.

- Trước khuynh hướng “tả” của Quốc tế Cộng sản và những ảnh hưởng của nó với Ban Chấp hành Trung ương lâm thời của Đảng ta, Nguyễn Ái Quốc đã

kiên trì bảo vệ quan điểm của mình, chống lại những tư tưởng tả khuynh và biệt phái trong Đảng. Thực tiễn đã chứng minh quan điểm của Người là đúng.

- Sau khi về nước (28/01/1941) Nguyễn Ái Quốc chủ trì Hội nghị Trung ương lần thứ tám, tiếp tục nêu cao ngọn cờ giải phóng dân tộc. Những tư tưởng và đường lối đúng đắn, sáng tạo theo tư tưởng Hồ Chí Minh được thông qua trong Hội nghị này có ý nghĩa quyết định chiều hướng phát triển của cách mạng giải phóng dân tộc ở nước ta, dẫn đến thắng lợi của cách mạng Tháng Tám.

- Trong *Tuyên ngôn độc lập* Hồ Chí Minh đã nhấn mạnh các quyền cơ bản của các dân tộc trên thế giới và nêu tư tưởng chính trị cốt lõi là độc lập, tự do gắn với phương hướng phát triển lên CNXH.

5. Thời kỳ 1945 - 1969: tư tưởng Hồ Chí Minh tiếp tục phát triển, hoàn thiện.

Ở thời kỳ này tư tưởng Hồ Chí Minh được tiếp tục bổ sung, phát triển, hợp thành một hệ thống những quan điểm lý luận về cách mạng Việt Nam. Đó là:

- Tư tưởng về kết hợp vừa kháng chiến vừa kiến quốc, thực hiện kháng chiến toàn dân, toàn diện, trường kỳ, tự lực cánh sinh; về giải quyết mối quan hệ giữa dân tộc và giai cấp.

- Tư tưởng về CNXH và con đường quá độ lên CNXH; tư tưởng về Nhà nước của dân, do dân, vì dân; tư tưởng và chiến lược về con người; tư tưởng về Đảng Cộng sản và xây dựng Đảng cầm quyền; về quan hệ quốc tế và đường lối đối ngoại,...

III. Giá trị tư tưởng Hồ Chí Minh

1. Tư tưởng Hồ Chí Minh soi sáng con đường giải phóng và phát triển dân tộc

- Tư tưởng Hồ Chí Minh là tài sản tinh thần vô giá của dân tộc Việt Nam

- Tư tưởng Hồ Chí Minh là nền tảng tư tưởng và kim chỉ nam cho hành động của cách mạng Việt Nam.

2. Tư tưởng Hồ Chí Minh đối với sự phát triển thế giới.

- Tư tưởng Hồ Chí Minh phản ánh khát vọng của thời đại

- Tư tưởng Hồ Chí Minh góp phần tìm ra các giải pháp đấu tranh giải phóng loài người.

- Tư tưởng Hồ Chí Minh cổ vũ các dân tộc đấu tranh vì những mục tiêu cao cả.

Chương 2

TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ VẤN ĐỀ DÂN TỘC VÀ CÁCH MẠNG GIẢI PHÓNG DÂN TỘC

I. Tư tưởng Hồ Chí Minh về vấn đề dân tộc

1. Vấn đề dân tộc thuộc địa

a. Thực chất của vấn đề dân tộc thuộc địa

- Đấu tranh chống chủ nghĩa thực dân, giải phóng dân tộc: HỒ Chí Minh không bàn về vấn đề dân tộc nói chung mà xuất phát từ nhu cầu khách quan của dân tộc, từ đặc điểm thời đại, Người dành quan tâm đến các thuộc địa. Người chỉ ra rằng: thực chất của vấn đề dân tộc ở thuộc địa là vấn đề đấu tranh chống chủ nghĩa thực dân, xoá bỏ ách thống trị, áp bức, bóc lột của nước ngoài, giải phóng dân tộc, giành độc lập, tự do, thực hiện quyền dân tộc tự quyết, thành lập Nhà nước dân tộc độc lập.

- Lựa chọn con đường phát triển của dân tộc: từ thực tiễn lịch sử HỒ Chí Minh khẳng định phương hướng phát triển của dân tộc trong bối cảnh thời đại mới là chủ nghĩa xã hội. Nó quy định vai trò lãnh đạo của Đảng Cộng sản, đoàn kết mọi lực lượng dân tộc, tiến hành triệt để cuộc cách mạng chống đế quốc và chống phong kiến. Con đường đó phù hợp với hoàn cảnh lịch sử cụ thể ở thuộc địa. Đó cũng là nét độc đáo, khác biệt với con đường phát triển của các dân tộc đã phát triển lên CNTB ở phương Tây.

b. Độc lập dân tộc - nội dung cốt lõi của vấn đề dân tộc thuộc địa

- Cách tiếp cận từ quyền con người: HỒ Chí Minh rất trân trọng quyền con người, đó là quyền bình đẳng, quyền được sống, quyền tự do và quyền mưu cầu hạnh phúc. Từ quyền con người, Người đã khái quát và nâng cao thành quyền dân tộc: “Tất cả các dân tộc trên thế giới đều sinh ra bình đẳng, dân tộc nào cũng có quyền sống, quyền sung sướng và quyền tự do”.

- Nội dung của độc lập dân tộc:

+ Độc lập, tự do là khát vọng lớn nhất của các dân tộc thuộc địa.

+ Độc lập dân tộc phải là một nền độc lập thật sự, hoàn toàn, gắn với hòa bình, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ của đất nước.

+ Độc lập dân tộc, cuối cùng, phải đem lại cơm no, áo ấm, hạnh phúc cho mọi người dân.

c. Chủ nghĩa yêu nước chân chính - một động lực lớn của đất nước

- Hồ Chí Minh sớm nhận thấy: sự áp bức, bóc lột của chủ nghĩa đế quốc càng nặng nề thì phản ứng của dân tộc bị áp bức càng quyết liệt. Không chỉ quần chúng lao động, mà cả các giai cấp và tầng lớp trên trong xã hội đều phải chịu nỗi nhục của người dân mất nước. Vì thế, Người khẳng định vai trò của tiềm năng dân tộc trong sự nghiệp tự giải phóng và cho rằng sức mạnh của chủ nghĩa yêu nước chân chính của các dân tộc thuộc địa là sức mạnh chiến đấu và thắng lợi trước bất cứ thế lực ngoại xâm nào. - Trong tư tưởng Hồ Chí Minh, chủ nghĩa yêu nước chân chính là một bộ phận của tinh thần quốc tế.

2. Mối quan hệ giữa vấn đề dân tộc và vấn đề giai cấp

a. Vấn đề dân tộc và vấn đề giai cấp có quan hệ chặt chẽ

- Hồ Chí Minh rất coi trọng vấn đề dân tộc, đề cao sức mạnh của chủ nghĩa yêu nước nhưng Người luôn đứng trên quan điểm giai cấp để nhận thức và giải quyết vấn đề dân tộc.

- Sự kết hợp vấn đề giai cấp và vấn đề dân tộc của Hồ Chí Minh thể hiện: khẳng định vai trò lịch sử của giai cấp công nhân và quyền lãnh đạo duy nhất của Đảng Cộng sản, chủ trương đại đoàn kết dân tộc rộng rãi trên nền tảng liên minh công nhân, nông dân và trí thức, dưới sự lãnh đạo của Đảng; sử dụng bạo lực cách mạng của quần chúng để chống lại bạo lực phản cách mạng của kẻ thù; thiết lập chính quyền nhà nước của dân, do dân và vì dân; gắn kết mục tiêu độc lập dân tộc với CNXH.

b. Giải phóng dân tộc là vấn đề trên hết, trước hết; độc lập dân tộc gắn liền với CNXH.

- Hồ Chí Minh chỉ rõ: “chỉ có CNXH, CNCS mới giải phóng được các dân tộc bị áp bức và những người lao động trên thế giới khỏi ách nô lệ”. Chỉ có xoá bỏ tận gốc tình trạng áp bức, bóc lột; thiết lập một nhà nước thực sự của dân, do dân, vì dân mới đảm bảo cho người lao động có quyền làm chủ, mới thực hiện được sự phát triển hài hoà giữa cá nhân và xã hội, giữa độc lập dân tộc với tự do và hạnh

phúc của con người. Do đó, sau khi giành độc lập phải tiến lên xây dựng CNXH, làm cho dân giàu, nước mạnh, mọi người được sung sướng, tự do.

- Quan điểm này của Hồ Chí Minh vừa phản ánh quy luật khách quan của sự nghiệp giải phóng dân tộc trong thời đại chủ nghĩa đế quốc, vừa phản ánh mối quan hệ khăng khít giữa mục tiêu giải phóng dân tộc với mục tiêu giải phóng giai cấp và giải phóng con người.

c. Giải phóng dân tộc tạo tiền đề để giải phóng giai cấp

- Hồ Chí Minh giải quyết vấn đề dân tộc theo quan điểm giai cấp nhưng đồng thời đặt vấn đề giai cấp trong vấn đề dân tộc. Giải phóng dân tộc khởi ách thống trị của chủ nghĩa thực dân là điều kiện để giải phóng giai cấp. Vì thế, lợi ích của giai cấp phải phục tùng lợi ích của dân tộc.

d. Giữ vững độc lập của dân tộc mình đồng thời tôn trọng độc lập của các dân tộc khác

- Hồ Chí Minh không chỉ đấu tranh cho độc lập của dân tộc Việt Nam mà còn đấu tranh cho độc lập của tất cả các dân tộc bị áp bức. Người luôn nêu cao tinh thần độc lập tự chủ, thực hiện nguyên tắc về quyền dân tộc tự quyết nhưng không quên nghĩa vụ quốc tế trong việc ủng hộ các cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc trên thế giới. Người đề ra khẩu hiệu “giúp bạn là tự giúp mình” và chủ trương phải bằng thắng lợi của cách mạng mỗi nước mà đóng góp vào thắng lợi chung của cách mạng thế giới.

II. Tư tưởng Hồ Chí Minh về cách mạng giải phóng dân tộc

1. Tính chất, nhiệm vụ và mục tiêu của cách mạng giải phóng dân tộc

- Hồ Chí Minh chỉ rõ: mâu thuẫn chủ yếu trong xã hội thuộc địa phương Đông là mâu thuẫn giữa dân tộc bị áp bức với chủ nghĩa thực dân. Đặc điểm này quy định tính chất và nhiệm vụ hàng đầu của cách mạng ở các nước thuộc địa.

- Đối tượng của cách mạng ở thuộc địa là chủ nghĩa thực dân và tay sai phản động. Do đó, cách mạng ở thuộc địa trước hết phải lật đổ ách thống trị của chủ nghĩa đế quốc, giải phóng dân tộc chứ chưa phải là cuộc cách mạng xoá bỏ sự tư hữu, sự bóc lột nói chung. Yêu cầu bức thiết của nhân dân các nước thuộc địa là độc lập dân tộc.

- Mâu thuẫn chủ yếu ở thuộc địa là mâu thuẫn dân tộc quy định tính chất và nhiệm vụ hàng đầu của cách mạng ở thuộc địa là giải phóng dân tộc.

- Mục tiêu cấp thiết của cách mạng thuộc địa chưa phải là giành quyền lợi riêng biệt của mỗi giai cấp, mà là quyền lợi chung của toàn dân tộc. Cách mạng giải phóng dân tộc nhằm lật đổ ách thống trị của chủ nghĩa thực dân, giành độc lập dân tộc và thiết lập chính quyền của nhân dân. Đó là những mục tiêu của chiến lược đấu tranh dân tộc, phù hợp với xu thế của thời đại cách mạng chống đế quốc, thời đại giải phóng dân tộc, đáp ứng nguyện vọng độc lập, tự do của quần chúng nhân dân.

2. Cách mạng giải phóng dân tộc muốn thắng lợi phải đi theo con đường cách mạng vô sản

- Để giải phóng dân tộc ông cha ta đã sử dụng nhiều con đường gắn với những khuynh hướng chính trị khác nhau, song, các phong trào đó đều thất bại. Dù rất khâm phục tinh thần cứu nước của ông cha nhưng Hồ Chí Minh không tán thành các con đường của họ mà quyết tâm ra đi tìm một con đường mới.

- Từ sự nghiên cứu lý luận và khảo sát thực tiễn Hồ Chí Minh nhận thấy: “cách mệnh tư bản, cách mệnh không đến nơi, tiếng là cộng hoà và dân chủ, kỳ thực trong thì nó tước lục công nông, ngoài thì nó áp bức thuộc địa”. Vì vậy, Người không đi theo con đường cách mạng tư sản.

- Từ sự nghiên cứu lý luận và khảo sát thực tiễn cách mạng Tháng Mười Nga, đến với học thuyết cách mạng của chủ nghĩa Mác - Lênin, Hồ Chí Minh khẳng định: “Muốn cứu nước và giải phóng dân tộc không có con đường nào khác con đường cách mạng vô sản”; “... chỉ có chủ nghĩa xã hội, chủ nghĩa cộng sản mới giải phóng được các dân tộc bị áp bức và những người lao động trên thế giới khỏi ách nô lệ”.

3. Cách mạng giải phóng dân tộc trong thời đại mới phải do Đảng Cộng sản lãnh đạo

- Hồ Chí Minh phân tích: muốn làm cách mạng “trước phải làm cho dân giác ngộ... phải giảng giải lý luận và chủ nghĩa cho dân hiểu”; “Cách mệnh phải hiểu phong trào thế giới, phải bày sách lược cho dân ... Vậy nên sức cách mệnh phải tập trung, muốn tập trung phải có đảng cách mệnh”.

Người khẳng định: “Trước hết phải có đảng cách mệnh, để trong thì vận động và tổ chức dân chúng, ngoài thì liên lạc với dân tộc bị áp bức và vô sản giai cấp mọi nơi. Đảng có vững cách mệnh mới thành công, cũng như người cầm lái có vững thuyền mới chạy”.

- Phát triển sáng tạo học thuyết Mác - Lênin về Đảng Cộng sản, Hồ Chí Minh khẳng định: Đảng Cộng sản Việt Nam là “Đảng của giai cấp vô sản” đồng thời là “Đảng của dân tộc Việt Nam”. Luận điểm này đã bổ sung cho lý luận của chủ nghĩa Mác - Lênin về đảng cộng sản, định hướng cho việc xây dựng Đảng Cộng sản Việt Nam.

- Ngay từ khi mới ra đời Đảng đã nắm ngọn cờ lãnh đạo duy nhất đối với cách mạng Việt Nam và trở thành nhân tố hàng đầu đảm bảo mọi thắng lợi của cách mạng.

4. Lực lượng của cách mạng giải phóng dân tộc bao gồm toàn dân tộc

- Hồ Chí Minh cho rằng: để có khả năng thắng lợi, một cuộc khởi nghĩa phải có tính chất một cuộc khởi nghĩa quần chúng chứ không phải một cuộc nổi loạn. Cuộc khởi nghĩa phải được chuẩn bị trong quần chúng.

- Hồ Chí Minh đánh giá rất cao vai trò của quần chúng nhân dân trong khởi nghĩa vũ trang. Người coi sức mạnh vĩ đại và năng lực sáng tạo vô tận của quần chúng là then chốt bảo đảm thắng lợi. Người khẳng định: cách mạng là việc chung của cả dân chúng chứ không phải việc một hai người; “có dân là có tất cả”, “Để trăm lần không dân cũng chịu, khó vạn lần dân liệu cũng xong”; “Phải dựa vào dân, dựa chắc vào dân thì kẻ địch không thể nào tiêu diệt được”.

- Từ sự phân tích điều kiện thực tiễn xã hội Việt Nam dưới ách cai trị của CNTB Pháp, Hồ Chí Minh chỉ rõ: “... dân tộc cách mệnh thì chưa phân giai cấp, nghĩa là sĩ, nông, công, thương đều nhất trí chống lại cường quyền”. Vì vậy, Người xác định lực lượng cách mạng bao gồm cả dân tộc. Cụ thể:

+ Công nhân, nông dân là động lực cách mạng, là “gốc cách mệnh”. Phải tập hợp đại bộ phận giai cấp công nhân, nông dân và phải dựa vào hạng dân cày nghèo bởi họ có số lượng đông nhất, lại bị áp bức bóc lột nặng nề nhất nên có sức mạnh lớn nhất, chí cách mạng kiên quyết nhất.

+ Lôi kéo tiểu tư sản, trí thức, trung nông,... đi vào phe giai cấp vô sản

+ Lợi dụng phú nông, trung, tiểu địa chủ và tư bản An Nam mà chưa rõ mặt phản cách mạng, ít lâu mới làm cho họ đứng trung lập.

+ Học trò, nhà buôn nhỏ, điền chủ nhỏ là bầu bạn cách mạng của công nông

+ Bộ phận nào đã ra mặt phản cách mạng thì phải đánh đổ.

5. Cách mạng giải phóng dân tộc cần được tiến hành chủ động, sáng tạo và có khả năng giành thắng lợi trước cách mạng vô sản ở chính quốc.

- Hồ Chí Minh khẳng định: tất cả sinh lực của chủ nghĩa tư bản quốc tế đều lấy ở các xứ thuộc địa. Vì vậy, trong cuộc đấu tranh chống chủ nghĩa đế quốc, cách mạng thuộc địa có tầm quan trọng đặc biệt.

- Hồ Chí Minh đánh giá rất cao sức mạnh của một dân tộc vùng dậy chống đế quốc. Người khẳng định: nhân dân các dân tộc thuộc địa có khả năng cách mạng to lớn và chủ trương phát huy nỗ lực chủ quan của dân tộc, tránh tư tưởng bị động, trông chờ vào sự giúp đỡ bên ngoài; mặc dù sự giúp đỡ của các nước bạn là quan trọng nhưng không được ỷ lại. Người chỉ rõ: công cuộc giải phóng nhân dân thuộc địa chỉ có thể thực hiện được bằng sự nỗ lực tự giải phóng.

- Theo Hồ Chí Minh, cách mạng giải phóng dân tộc ở thuộc địa và cách mạng vô sản ở chính quốc có mối quan hệ mật thiết với nhau, tác động qua lại lẫn nhau trong cuộc đấu tranh chống kẻ thù chung là chủ nghĩa đế quốc. Đó là mối quan hệ bình đẳng chứ không phải là quan hệ lệ thuộc hoặc quan hệ chính - phụ.

+ Từ sự nhận thức đúng về vai trò, vị trí chiến lược của cách mạng thuộc địa, đánh giá đúng sức mạnh dân tộc, Người cho rằng: cách mạng giải phóng dân tộc ở thuộc địa có thể giành thắng lợi trước cách mạng vô sản ở chính quốc. Đây là một luận điểm sáng tạo, có giá trị lý luận và thực tiễn sâu sắc, một cống hiến quan trọng của Hồ Chí Minh vào kho tàng lý luận Mác - Lênin, đã được thực tiễn chứng minh là hoàn toàn đúng đắn.

6. Cách mạng giải phóng dân tộc phải được tiến hành bằng con đường cách mạng bạo lực

- Đánh giá đúng bản chất của đế quốc và tay sai, Hồ Chí Minh vạch rõ tính tất yếu của bạo lực cách mạng: "Trong cuộc đấu tranh gian khổ chống kẻ thù của giai cấp và dân tộc cần dùng bạo lực cách mạng, giành lấy chính quyền và bảo vệ chính quyền".

+ HỒ Chí Minh cho rằng bạo lực cách mạng là bạo lực của quần chúng. Hình thức của bạo lực cách mạng bao gồm cả đấu tranh chính trị và đấu tranh vũ trang nhưng phải tùy tình hình mà quyết định hình thức thích hợp, sử dụng đúng và khéo kết hợp các hình thức đấu tranh để giành thắng lợi.

+ Đấu tranh vũ trang không tách biệt đấu tranh chính trị, các đoàn thể cách mạng càng phát triển, quần chúng đấu tranh chính trị càng mạnh thì càng có cơ sở vững chắc để tổ chức lực lượng vũ trang và tiến hành đấu tranh vũ trang.

- Trong tư tưởng HỒ Chí Minh, tư tưởng bạo lực cách mạng và tư tưởng nhân đạo, hoà bình thống nhất biện chứng với nhau. Xuất phát từ tình thương yêu con người, quý trọng sinh mạng con người, HỒ Chí Minh luôn tranh thủ khả năng giành và giữ chính quyền ít đổ máu. Người tìm mọi cách ngăn chặn xung đột vũ trang, tận dụng mọi khả năng giải quyết xung đột bằng biện pháp hoà bình, chủ động đàm phán, thương lượng, chấp nhận những nhượng bộ có nguyên tắc. Việc tiến hành chiến tranh chỉ là giải pháp bắt buộc cuối cùng. Khi không thể tránh khỏi chiến tranh thì phải kiên quyết dùng bạo lực cách mạng để giữ độc lập tự do.

+ Đánh giặc không phải là tiêu diệt hết lực lượng mà chủ yếu là đánh bại ý chí xâm lược của chúng, kết hợp giành thắng lợi về quân sự với giải pháp ngoại giao để kết thúc chiến tranh.

- Trong sự nghiệp kháng chiến HỒ Chí Minh chủ trương phát động chiến tranh nhân dân, dựa vào lực lượng toàn dân, có lực lượng vũ trang làm nòng cốt, đấu tranh toàn diện với kẻ thù với tư tưởng chiến lược tiến công, phương châm chiến lược đánh lâu dài và dựa vào sức mình là chính.

+ Trong chiến tranh, “quân sự là việc chủ chốt” nhưng đồng thời phải kết hợp chặt chẽ với đấu tranh chính trị. “Thắng lợi quân sự đem lại thắng lợi chính trị, thắng lợi chính trị sẽ làm cho thắng lợi quân sự to lớn hơn”.

+ Đấu tranh ngoại giao cũng có ý nghĩa chiến lược, có tác dụng thêm bạn bớt thù, phân hoá và cô lập kẻ thù, phát huy yếu tố chính nghĩa, tranh thủ sự đồng tình, ủng hộ của quốc tế. Người chủ trương “vừa đánh vừa đàm”, “đánh là chủ yếu, đàm là hỗ trợ”.

+ Đấu tranh kinh tế là ra sức tăng gia sản xuất, thực hành tiết kiệm, phát triển kinh tế của ta, phá hoại kinh tế của địch.

+ Chiến tranh về mặt văn hoá, tư tưởng cũng rất quan trọng.

- Đánh lâu dài, phải tự lực cánh sinh, phát huy đến mức cao nhất mọi nỗ lực của dân tộc, tránh bị động, trông chờ vào sự giúp đỡ bên ngoài.

Chương 3

TU TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ CHỦ NGHĨA XÃ HỘI VÀ CON ĐƯỜNG QUÁ ĐỘ LÊN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI Ở VIỆT NAM

I. Tư tưởng Hồ Chí Minh về chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam

1. Tính tất yếu của chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam

- Vận dụng sáng tạo lý luận Mác - Lênin, Hồ Chí Minh khẳng định: tiến lên CNXH là bước phát triển tất yếu ở Việt Nam sau khi nước nhà đã giành độc lập theo con đường cách mạng vô sản.

- Mục tiêu giải phóng dân tộc theo con đường cách mạng vô sản mà Hồ Chí Minh đã lựa chọn cho dân tộc Việt Nam là nước nhà được độc lập, nhân dân được hưởng cuộc sống ấm no, tự do, hạnh phúc, tức là sau khi giành độc lập dân tộc sẽ xây dựng xã hội xã hội chủ nghĩa.

2. Đặc trưng của CNXH ở Việt Nam

a. Cách tiếp cận của Hồ Chí Minh về CNXH

- Hồ Chí Minh tiếp cận CNXH theo quan điểm Mác - Lênin từ lập trường của một người yêu nước đi tìm con đường giải phóng dân tộc để xây dựng một xã hội mới tốt đẹp. Người tiếp thu lý luận về CNXH từ yêu cầu tất yếu của công cuộc giải phóng dân tộc; tiếp cận CNXH từ phương diện đạo đức, hướng tới giá trị nhân đạo, nhân văn; tiếp cận từ góc độ văn hoá,...

b. Đặc trưng bản chất tổng quát của chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam

- CNXH là một chế độ chính trị do nhân dân làm chủ: CNXH có chế độ chính trị dân chủ, nhân dân lao động là chủ và nhân dân lao động làm chủ. Nhà nước của dân, do dân, vì dân, dựa trên khối đại đoàn kết toàn dân mà nòng cốt là liên minh công - nông - trí thức, do Đảng Cộng sản lãnh đạo. Mọi quyền lực trong xã hội đều tập trung trong tay nhân dân. Nhân dân đoàn kết thành một khối thống nhất để làm chủ nước nhà. Nhân dân là người quyết định vận mệnh cũng như sự phát triển của đất nước, có vị trí tối thượng trong mọi cấu tạo quyền lực.

- Chủ nghĩa xã hội là một chế độ xã hội có nền kinh tế phát triển cao, dựa trên cơ sở năng suất lao động xã hội cao, gắn liền với sự phát triển của khoa học - kỹ thuật.

- CNXH là chế độ không còn người bóc lột người: Trong CNXH không còn áp bức bóc lột, bất công, thực hiện chế độ sở hữu xã hội về tư liệu sản xuất và thực hiện nguyên tắc phân phối theo lao động. Đó là một xã hội được xây dựng trên nguyên tắc công bằng, hợp lý.

- CNXH là một xã hội phát triển cao về văn hoá, đạo đức: Đó là một xã hội có hệ thống quan hệ xã hội lành mạnh, công bằng, bình đẳng, không còn sự đối lập giữa lao động chân tay và lao động trí óc, giữa thành thị và nông thôn, con người được giải phóng, có điều kiện phát triển toàn diện, hài hoà trong sự phát triển của xã hội và tự nhiên.

3. Quan điểm của Hồ Chí Minh về mục tiêu, động lực của CNXH ở Việt Nam

a. Mục tiêu

- Mục tiêu chung: Hồ Chí Minh xác định mục tiêu chung của chủ nghĩa xã hội là độc lập, tự do cho dân tộc, hạnh phúc cho nhân dân.

- Mục tiêu cao nhất của CNXH: nâng cao đời sống nhân dân

- Mục tiêu cụ thể:

+ Về chính trị: trong thời kỳ quá độ lên CNXH chế độ chính trị phải do nhân dân lao động làm chủ. Nhà nước là của dân, do dân, vì dân. Phải phát huy quyền dân chủ và sinh hoạt chính trị của nhân dân đồng thời phải chuyên chính với thiểu số phản động chống lại lợi ích của nhân dân, chống lại chế độ XHCN.

+ Về kinh tế:

* Xây dựng nền kinh tế xã hội chủ nghĩa với công - nông nghiệp hiện đại, khoa học - kỹ thuật tiên tiến, cách bóc lột theo chủ nghĩa tư bản được bỏ dần, đời sống vật chất của nhân dân ngày càng được cải thiện.

* Phát triển toàn diện các ngành mà chủ yếu là công nghiệp, nông nghiệp, thương nghiệp, trong đó “công nghiệp và nông nghiệp là hai chân của nền kinh tế nước nhà”.

* Kết hợp các loại lợi ích kinh tế mà một trong những cách làm là sử dụng chế độ khoán.

+ Về văn hoá - xã hội: theo Hồ Chí Minh

* Văn hóa là một mục tiêu cơ bản của cách mạng xã hội chủ nghĩa, thể hiện trong mọi sinh hoạt tinh thần của xã hội.

* Phải xây dựng một nền văn hoá xã hội chủ nghĩa về nội dung. Đó là một nền văn hoá phát huy vốn cũ quý báu của dân tộc, đồng thời học tập văn hoá tiên tiến của thế giới. Phương châm xây dựng nền văn hoá mới là: dân tộc, khoa học, đại chúng; phải làm cho văn hóa gắn liền với lao động sản xuất.

* Nhiệm vụ hàng đầu là đào tạo con người, trong đó quan tâm trước hết là mặt tư tưởng; phải luôn gắn phẩm chính trị với trình độ học vấn, chuyên môn nghiệp vụ, luôn trau dồi đạo đức và tài năng, vừa có đức vừa có tài.

b. Động lực

Theo Hồ Chí Minh, động lực của CNXH biểu hiện ở các phương diện: vật chất và tinh thần; nội sinh và ngoại sinh

- Động lực bên trong:

+ Con người: động lực quan trọng và quyết định nhất là con người, là nhân dân lao động, nòng cốt là công - nông - trí thức. Người cho rằng: truyền thống yêu nước của dân tộc, sự đoàn kết cộng đồng, sức lao động sáng tạo của nhân dân - đó là sức mạnh tổng hợp tạo nên động lực quan trọng của CNXH. Để phát huy động lực này cần thường xuyên quan tâm đến lợi ích chính đáng, thiết thân của nhân dân và từng cá nhân đồng thời chăm lo bồi dưỡng sức dân.

+ Nhà nước: đại diện cho ý chí và quyền lực của nhân dân, thực hiện chức năng quản lý xã hội, đưa sự nghiệp xây dựng CNXH đến thắng lợi. Hồ Chí Minh đặc biệt quan tâm đến hiệu lực của tổ chức, bộ máy; tính nghiêm minh của kỷ luật, pháp luật; sự trong sạch, liêm khiết của đội ngũ cán bộ các cấp.

+ Động lực kinh tế: phát triển kinh tế, giải phóng mọi năng lực sản xuất, làm cho mọi người, mọi nhà trở nên giàu có, ích quốc, lợi dân, gắn liền kinh tế với kỹ thuật, kinh tế với xã hội.

+ Động lực văn hóa, khoa học, giáo dục: đây là động lực tinh thần không thể thiếu của CNXH.

Những nhân tố trên là nguồn lực tiềm tàng của sự phát triển. Sự lãnh đạo đúng đắn của Đảng có ý nghĩa quyết định đối với việc khai thác, sử dụng những tiềm lực đó, dẫn tới thành công của CNXH. Đây là hạt nhân trong hệ động lực của CNXH.

- Động lực bên ngoài: phải kết hợp được với sức mạnh thời đại, tăng cường đoàn kết quốc tế, chủ nghĩa yêu nước phải gắn liền với chủ nghĩa quốc tế của giai cấp công nhân, phải sử dụng tốt những thành quả khoa học - kỹ thuật thế giới

- Cùng với việc xác định các động lực Hồ Chí Minh cũng đồng thời chỉ ra yếu tố kìm hãm, triệt tiêu nguồn lực vốn có của CNXH, đó là chủ nghĩa cá nhân

Giữa nội lực và ngoại lực, Hồ Chí Minh xác định rõ nội lực là quyết định nhất, nêu cao tinh thần độc lập, tự chủ, tự lực cánh sinh là chính nhưng luôn chú trọng tranh thủ sự giúp đỡ, hợp tác quốc tế, kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại tạo sức mạnh tổng hợp để xây dựng thành công CNXH.

II. Con đường, biện pháp quá độ lên CNXH ở Việt Nam

1. Đặc điểm, nhiệm vụ của thời kỳ quá độ lên CNXH ở Việt Nam

a. Thực chất, loại hình và đặc điểm của thời kỳ quá độ

- Vận dụng lý luận Mác - Lênin và xuất phát từ đặc điểm tình hình thực tế Việt Nam, Hồ Chí Minh khẳng định: con đường cách mạng Việt Nam là tiến hành giải phóng dân tộc, hoàn thành cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân, tiến dần lên CNXH.

Đây là hình thái quá độ gián tiếp - quá độ từ một xã hội thuộc địa nửa phong kiến, nông nghiệp lạc hậu sau khi giành được độc lập dân tộc đi lên CNXH.

- Đặc điểm lớn nhất của nước ta khi bước vào thời kỳ quá độ lên CNXH là từ một nước nông nghiệp lạc hậu tiến lên CNXH không phải kinh qua giai đoạn phát triển TBCN. Đặc điểm này chi phối các đặc điểm khác, thể hiện trong tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội, là cơ sở làm nảy sinh nhiều mâu thuẫn, trong đó mâu thuẫn cơ bản là mâu thuẫn giữa nhu cầu phát triển cao của đất nước và thực trạng kinh tế - xã hội quá thấp kém của nước ta.

- Thực chất của thời kỳ quá độ lên CNXH ở nước ta là quá trình cải biến nền sản xuất lạc hậu thành nền sản xuất tiên tiến, hiện đại.

b. Nhiệm vụ lịch sử của thời kỳ quá độ lên CNXH ở Việt Nam

- Nhiệm vụ lịch sử của TKQĐ lên CNXH ở nước ta là:

+ Xây dựng nền tảng vật chất và kỹ thuật cho CNXH, xây dựng các tiền đề về kinh tế, chính trị, văn hóa, tư tưởng cho CNXH.

+ Cải tạo xã hội cũ, xây dựng xã hội mới, kết hợp cải tạo và xây dựng, trong đó lấy xây dựng làm trọng tâm, làm nội dung cốt yếu nhất, chủ chốt, lâu dài.

- Tính chất của TKQĐ lên CNXH ở Việt Nam: Theo Hồ Chí Minh thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam sẽ là một quá trình tuần tự, dần dần, khó khăn, phức tạp và lâu dài vì:

+ Đây là một cuộc cách mạng làm đảo lộn mọi mặt của đời sống xã hội, nó đặt ra và đòi hỏi đồng thời giải quyết hàng loạt mâu thuẫn khác nhau .

+ Trong sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội ta chưa có kinh nghiệm, nhất là trên lĩnh vực kinh tế nên phải vừa làm, vừa học và có thể có vấp vấp, thiếu sót. Hơn nữa, xây dựng xã hội mới bao giờ cũng khó khăn, phức tạp hơn đánh đổ xã hội cũ đã lỗi thời .

+ Sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội ở nước ta luôn bị các thế lực phản động tìm cách chống phá.

c. Nội dung xây dựng chủ nghĩa xã hội ở nước ta trong thời kỳ quá độ

- Trong lĩnh vực chính trị :

+ Giữ vững và phát huy vai trò lãnh đạo của Đảng, Đảng phải luôn tự đổi mới và tự chỉnh đốn, nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu, có hình thức tổ chức phù hợp để đáp ứng các yêu cầu, nhiệm vụ mới.

+ Củng cố, tăng cường vai trò quản lý của Nhà nước.

+ Củng cố và mở rộng Mặt trận dân tộc thống nhất, nòng cốt là liên minh công nhân, nông dân, trí thức, do Đảng Cộng sản lãnh đạo; củng cố và tăng cường sức mạnh toàn bộ hệ thống chính trị cũng như từng thành tố của nó.

- Nội dung kinh tế:

+ Phải tăng năng suất lao động trên cơ sở tiến hành CNH XHCN.

+ Xây dựng cơ cấu kinh tế: cơ cấu ngành, cơ cấu thành phần kinh tế, cơ cấu kinh tế vùng lãnh thổ.

• Cơ cấu ngành: Người quan niệm lấy nông nghiệp làm mặt trận hàng đầu, củng cố hệ thống thương nghiệp làm cầu nối giữa các ngành sản xuất xã hội.

• Cơ cấu vùng, lãnh thổ: phát triển đồng đều giữa kinh tế đô thị và kinh tế nông thôn, chú ý đến việc phát triển kinh tế vùng núi, hải đảo.

• Cơ cấu thành phần kinh tế: phát triển cơ cấu kinh tế nhiều thành phần trong suốt thời kỳ quá độ; ưu tiên phát triển kinh tế quốc doanh; khuyến khích hướng dẫn và giúp đỡ kinh tế hợp tác xã phát triển; bảo hộ quyền sở hữu về tư liệu sản xuất, hướng dẫn người làm nghề thủ công và lao động riêng lẻ khác cải

tiến làm ăn, khuyến khích họ đi vào con đường hợp tác; không xoá bỏ quyền sở hữu về tư liệu sản xuất và của cải khác của tư sản công thương mà hướng dẫn họ hoạt động phù hợp với kinh tế nhà nước, khuyến khích, giúp đỡ họ cải tạo bằng các hình thức tư bản nhà nước.

+ Quan hệ phân phối và quản lí kinh tế: Quản lí kinh tế phải dựa trên cơ sở hạch toán. Người chỉ rõ nguyên tắc phân phối theo lao động, làm nhiều hưởng nhiều, làm ít hưởng ít, không làm không hưởng và bước đầu đề cập vấn đề khoán trong sản xuất, coi đó là một điều kiện của chủ nghĩa xã hội.

- Nội dung văn hoá - xã hội: Hồ Chí Minh nhấn mạnh đến vấn đề xây dựng con người mới và chỉ rõ phải coi trọng việc nâng cao dân trí, đào tạo và sử dụng nhân tài, đề cao vai trò của văn hóa, giáo dục và khoa học kỹ thuật trong xây dựng CNXH.

2. Những chỉ dẫn có tính định hướng về nguyên tắc, bước đi, biện pháp thực hiện trong quá trình xây dựng CNXH

- Nguyên tắc :

+ Quán triệt các nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin về xây dựng chế độ mới, tham khảo, học tập kinh nghiệm của các nước anh em, học tập kinh nghiệm của các nước tiên tiến.

+ Xác định bước đi và biện pháp xây dựng CNXH chủ yếu xuất phát từ điều kiện thực tế, đặc điểm dân tộc, nhu cầu và khả năng thực tế của nhân dân.

Hồ Chí Minh lưu ý: vừa chống việc xa rời các nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin, quá tuyệt đối hóa cái riêng, vừa chống máy móc, giáo điều khi áp dụng các nguyên lý của chủ nghĩa Mác - Lênin mà không tính đến điều kiện cụ thể của đất nước.

- Phương châm thực hiện bước đi: làm dần dần, thận trọng từng bước một, từ thấp đến cao, không chủ quan nôn nóng và việc xác định các bước đi phải luôn căn cứ vào các điều kiện khách quan. Tiến nhanh, tiến mạnh, tiến vững chắc lên CNXH nhưng cũng không phải làm bừa, làm ẩu mà phải phù hợp với điều kiện thực tế.

- Bước đi: Hồ Chí Minh đặc biệt chú ý đến vai trò của CNH XHCN, coi đó là nhiệm vụ trọng tâm của cả thời kỳ quá độ. CNH XHCN chỉ có thể thắng lợi

trên cơ sở xây dựng và phát triển nền nông nghiệp toàn diện, vững chắc, một hệ thống tiểu thủ công nghiệp, công nghiệp nhẹ đa dạng nhằm giải quyết vấn đề lương thực, thực phẩm cho nhân dân, các nhu cầu tiêu dùng thiết yếu cho xã hội.

- Biện pháp:

+ Thực hiện cải tạo xã hội cũ, xây dựng xã hội mới, kết hợp cải tạo với xây dựng, lấy xây dựng làm chính.

+ Kết hợp xây dựng và bảo vệ đồng thời tiến hành hai nhiệm vụ chiến lược ở hai miền Nam - Bắc trong phạm vi một quốc gia.

+ Xây dựng CNXH phải có kế hoạch, biện pháp, quyết tâm để thực hiện thắng lợi kế hoạch.

+ Trong điều kiện nước ta, biện pháp cơ bản, quyết định, lâu dài trong xây dựng CNXH là đem của dân, tài dân, sức dân, làm lợi cho dân dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam.

Chương 4

TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

I. Quan niệm của Hồ Chí Minh về vai trò và bản chất của Đảng Cộng sản Việt Nam

1. Về sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam

- Phát triển sáng tạo chủ nghĩa Mác – Lênin, trên cơ sở tổng kết thực tiễn Việt Nam, Hồ Chí Minh chỉ rõ: Chủ nghĩa Mác – Lênin kết hợp với phong trào công nhân và phong trào yêu nước đã dẫn tới việc thành lập Đảng Cộng sản Đông Dương.

- Hồ Chí Minh thấy rõ vai trò to lớn của chủ nghĩa Mác – Lênin đối với quá trình hình thành Đảng Cộng sản Việt Nam. Người cũng đánh giá cao vị trí, vai trò của giai cấp công nhân Việt Nam trong sắp xếp lực lượng cách mạng. Bên cạnh đó, Người coi phong trào yêu nước là một trong ba yếu tố kết hợp dẫn đến việc hình thành Đảng Cộng sản Việt Nam vì:

+ Phong trào yêu nước có vị trí, vai trò to lớn trong quá trình phát triển của dân tộc.

+ Phong trào công nhân kết hợp được với phong trào yêu nước vì hai phong trào đó đều có mục tiêu chung là giải phóng dân tộc, xây dựng đất nước hùng cường. Hơn nữa, phong trào công nhân cũng mang tính chất của phong trào yêu nước vì nó không những chống lại ách áp bức giai cấp mà còn chống lại ách áp bức dân tộc.

+ Giữa phong trào công nhân và phong trào nông dân – bộ phận quan trọng của phong trào yêu nước – có mối quan hệ chặt chẽ. Giai cấp công nhân và giai cấp nông dân hợp thành quân chủ lực của cách mạng.

+ Phong trào yêu nước của trí thức Việt Nam là nhân tố quan trọng thúc đẩy sự kết hợp các yếu tố cho sự ra đời của Đảng.

2. Vai trò của Đảng Cộng sản Việt Nam

- Hồ Chí Minh khẳng định: Lực lượng của giai cấp công nhân và nhân dân lao động là rất to lớn, là vô cùng, vô tận. Nhưng lực lượng ấy cần có Đảng lãnh đạo mới chắc chắn thắng lợi. Đảng lãnh đạo để dân chúng nhận rõ tình hình, đường lối và định phương châm cho đúng; Đảng vận động, tổ chức dân chúng làm cách mạng và liên lạc

với cách mạng thế giới. Giai cấp mà không có Đảng lãnh đạo thì không làm cách mạng được.

- Cách mạng là cuộc đấu tranh gian khổ. Muốn thắng lợi thì quần chúng phải được tổ chức, chí khí phải kiên quyết. Vì vậy, phải có Đảng để tổ chức và giáo dục nhân dân thành một đội quân thật mạnh, để đánh đổ kẻ địch, giành lấy chính quyền.

3. Bản chất của Đảng Cộng sản Việt Nam

- Hồ Chí Minh khẳng định: Đảng Cộng sản Việt Nam là Đảng của giai cấp công nhân, đội tiên phong của giai cấp công nhân, mang bản chất giai cấp công nhân.

+ Nội dung quy định bản chất giai cấp công nhân của Đảng không phải chỉ là số lượng Đảng viên xuất thân từ công nhân mà còn ở nền tảng lý luận và tư tưởng của Đảng là chủ nghĩa Mác Lênin; mục tiêu của Đảng cần đạt tới là CNCS; Đảng tuân thủ nghiêm túc những nguyên tắc xây dựng đảng kiểu mới của giai cấp vô sản.

- Khi nói Đảng ta là Đảng của giai cấp Hồ Chí Minh đồng thời chỉ rõ Đảng còn là Đảng của nhân dân lao động và của toàn dân tộc vì Đảng đại diện cho lợi ích của toàn dân tộc; trong thành phần của Đảng, ngoài công nhân, còn có những người ưu tú trong giai cấp nông dân, trí thức và các thành phần khác.

4. Quan niệm về Đảng Cộng sản Việt Nam cầm quyền

a. Đảng lãnh đạo nhân dân giành chính quyền, trở thành Đảng cầm quyền

- Sau khi tìm ra con đường cứu nước Hồ Chí Minh sớm khẳng định độc lập dân tộc gắn liền CNXH là con đường tất yếu của cách mạng Việt Nam. Để thực hiện mục tiêu ấy cần có một đảng cộng sản lãnh đạo cách mạng. Đảng muốn vững phải lấy chủ nghĩa Mác - Lênin “làm cốt”.

- Đảng không phải là một tổ chức tự thân. Mục đích, tôn chỉ của Đảng là “tận tâm”, “tận lực”, “phụng sự” và “trung thành” với lợi ích của dân tộc Việt Nam. Với đường lối chính trị đúng đắn, tổ chức chặt chẽ, Đảng đã lãnh đạo toàn thể dân tộc giành chính quyền, thành lập nước Việt Nam DCH và trở thành Đảng cầm quyền.

b. Quan niệm của Hồ Chí Minh về Đảng cầm quyền

- Theo Hồ Chí Minh, Đảng cầm quyền là Đảng tiếp tục lãnh đạo sự nghiệp cách mạng trong điều kiện Đảng đã lãnh đạo quần chúng nhân dân giành được

quyền lực nhà nước và Đảng trực tiếp lãnh đạo bộ máy nhà nước đó để tiếp tục hoàn thành sự nghiệp độc lập dân tộc, dân chủ và CNXH.

- Mục đích, lý tưởng của Đảng cầm quyền: là phục vụ lợi ích của Tổ quốc, của nhân dân, ngoài ra Đảng không có lợi ích nào khác.

- Đảng cầm quyền vừa là người lãnh đạo, vừa là người đầy tớ trung thành của nhân dân:

+ “Là người lãnh đạo”: Đảng là lực lượng lãnh đạo duy nhất đối với toàn xã hội; khi có chính quyền, Đảng lãnh đạo chính quyền nhà nước. Yêu cầu:

* Đảng phải có tư cách, phẩm chất, năng lực cần thiết; lãnh đạo bằng giáo dục, thuyết phục để dân tin, dân phục, dân theo; phải tổ chức, đoàn kết dân thành một khối và hướng dẫn họ hành động.

* Sự lãnh đạo của Đảng phải đảm bảo trên tất cả các mặt, các lĩnh vực của đời sống xã hội, phải quan tâm, chăm lo đến đời sống nhân dân từ việc nhỏ đến việc lớn.

* Đảng phải sâu sát, gần bó mật thiết với nhân dân, lắng nghe ý kiến của dân, khiêm tốn học hỏi dân và chịu sự kiểm soát của nhân dân.

* Đảng phải triệt để thực hành dân chủ nhưng phải chống bao biện, làm thay, phải thông qua chính quyền nhà nước để thực hiện quyền lãnh đạo đối với toàn xã hội; phải lãnh đạo Nhà nước một cách toàn diện, coi trọng công tác giáo dục, đào tạo và bồi dưỡng đội ngũ cán bộ, viên chức.

* Đảng phải thực hiện chế độ kiểm tra và phát huy vai trò tiên phong của đội ngũ đảng viên, cán bộ của Đảng.

+ “Là người đầy tớ”: Đảng phải tận tâm, tận lực phục vụ nhân dân nhằm đem lại các quyền và lợi ích cho nhân dân; mọi hoạt động của cán bộ, đảng viên đều phải quan tâm thực sự đến lợi ích của nhân dân, phải tận tụy với công việc. Mặt khác, phải có tri thức khoa học, trình độ chuyên môn, nghiệp vụ giỏi, thấm nhuần đạo đức cách mạng; nắm vững và biết tuyên truyền, vận động quần chúng theo Đảng, đưa cách mạng đến thắng lợi.

- Đảng cầm quyền, dân là chủ:

+ HỒ Chí Minh nhấn mạnh: Đảng lãnh đạo cách mạng là để thiết lập và củng cố quyền làm chủ của nhân dân. Dân làm chủ, Đảng lãnh đạo, Đảng phải lấy dân làm gốc. Quyền lực thuộc về nhân dân là bản chất, là nguyên tắc của chế độ mới.

+ Dân muốn làm chủ thực sự thì phải theo Đảng. Mỗi người dân phải biết lợi ích và bổn phận của mình tham gia vào xây dựng chính quyền.

II. Tư tưởng HỒ Chí Minh về xây dựng Đảng Cộng sản Việt Nam trong sạch, vững mạnh

1. Xây dựng Đảng - quy luật tồn tại và phát triển của Đảng

- Theo HỒ Chí Minh, xây dựng Đảng là nhiệm vụ tất yếu, thường xuyên để Đảng hoàn thành vai trò chiến sỹ tiên phong trước giai cấp, dân tộc và nhân dân; là nhiệm vụ vừa cấp bách, vừa lâu dài.

- Xây dựng, chỉnh đốn Đảng gắn liền sự tồn tại của Đảng; còn Đảng, còn hoạt động, còn cần phải xây dựng, chỉnh đốn. Vì:

+ Những diễn biến mới của điều kiện khách quan trong mỗi thời kỳ cách mạng đặt ra những mục tiêu, nhiệm vụ và yêu cầu riêng, đòi hỏi Đảng phải tự vươn lên làm tròn trọng trách trước dân tộc.

+ Đảng là một bộ phận của cơ cấu xã hội, mỗi cán bộ, đảng viên đều chịu ảnh hưởng của môi trường xã hội, cả cái tích cực và cái tiêu cực. Do đó, mỗi cán bộ, đảng viên phải thường xuyên rèn luyện, chỉnh đốn.

+ Xây dựng, chỉnh đốn Đảng là cơ hội để mỗi cán bộ, đảng viên tự rèn luyện, giáo dục và tu dưỡng tốt hơn, hoàn thành nhiệm vụ.

+ Trong điều kiện Đảng cầm quyền, do tính hai mặt của quyền lực, Đảng phải đặc biệt quan tâm chỉnh đốn và đổi mới để hạn chế, ngăn chặn, đẩy lùi và tẩy trừ mọi tệ nạn do thoái hóa, biến chất gây ra.

2. Nội dung công tác xây dựng Đảng Cộng sản Việt Nam

a. Xây dựng Đảng về tư tưởng, lý luận

- HỒ Chí Minh chỉ rõ: "Đảng muốn vững thì phải lấy chủ nghĩa làm cốt, trong Đảng ai cũng phải hiểu, phải theo chủ nghĩa ấy. Đảng mà không có chủ nghĩa cũng như người không có trí khôn, tàu không có bàn chỉ nam".

- Theo HỒ Chí Minh, trong việc tiếp nhận và vận dụng chủ nghĩa Mác – Lênin cần lưu ý:

+ Học tập, nghiên cứu, tuyên truyền chủ nghĩa Mác - Lênin phải phù hợp với từng đối tượng.

+ Vận dụng chủ nghĩa Mác - Lênin phải phù hợp với từng hoàn cảnh, tránh giáo điều, tránh xa rời các nguyên tắc cơ bản.

+ Chú ý học tập, kế thừa kinh nghiệm tốt của các đảng cộng sản khác, đồng thời Đảng ta phải tổng kết kinh nghiệm của mình để bổ sung vào chủ nghĩa Mác - Lênin.

+ Phải tăng cường đấu tranh để bảo vệ sự trong sáng của chủ nghĩa Mác - Lênin.

b. Xây dựng Đảng về chính trị

- Xây dựng Đảng về chính trị bao gồm: xây dựng đường lối chính trị, bảo vệ chính trị, xây dựng và thực hiện nghị quyết, xây dựng và phát triển hệ tư tưởng chính trị, củng cố lập trường, nâng cao bản lĩnh chính trị,... Trong đó, đường lối chính trị là vấn đề cốt tử trong sự tồn tại và phát triển của Đảng.

- HỒ Chí Minh lưu ý cần phải giáo dục đường lối, chính sách của Đảng cho cán bộ, đảng viên để họ kiên định lập trường, giữ vững bản lĩnh chính trị. Người cũng cảnh báo nguy cơ sai lầm về đường lối chính trị gây hậu quả với Tổ quốc, sinh mệnh chính trị của đảng viên và nhân dân lao động.

c. Xây dựng Đảng về tổ chức, bộ máy, công tác cán bộ

- Hệ thống tổ chức của Đảng: hệ thống tổ chức của Đảng phải thật chặt chẽ, có tính kỷ luật cao. Sức mạnh của các tổ chức liên quan chặt chẽ với nhau. Trong hệ thống đó, HỒ Chí Minh rất coi trọng vai trò của chi bộ vì đó là tổ chức hạt nhân, quyết định chất lượng lãnh đạo của Đảng, là môi trường tu dưỡng, rèn luyện và giám sát đảng viên, gắn kết giữa Đảng và quần chúng nhân dân.

- Các nguyên tắc tổ chức sinh hoạt đảng:

+ *Tập trung dân chủ*: Tập trung và dân chủ có mối quan hệ khăng khít với nhau, là hai vế của một nguyên tắc. Tập trung trên nền tảng dân chủ; dân chủ dưới sự chỉ đạo tập trung.

+ *Tập thể lãnh đạo, cá nhân phụ trách*: HỒ Chí Minh phân tích: một người dù tài giỏi mấy cũng không thể thấy hết mọi mặt của vấn đề, không thể hiểu hết

mọi việc, thấy hết mọi chuyện. Vì vậy, cần phải có nhiều người. Nhiều người thì nhiều kiến thức, người thấy mặt này, người thấy mặt kia thì mới hiểu mọi mặt của vấn đề. Nhưng việc gì đã được tập thể bàn kỹ, kế hoạch đã được định rõ thì cần giao cho một người phụ trách, nếu là một nhóm người thì cần có người phụ trách chính. Như thế mới tránh dựa dẫm, người này ỷ lại người kia, ỷ vào tập thể.

+ *Tự phê bình và phê bình:*

* Mục đích của tự phê bình và phê bình: Theo Hồ Chí Minh, Đảng là một thực thể của xã hội, bao gồm các tầng lớp xã hội, đội ngũ của Đảng bao gồm những người ưu tú nhưng trong Đảng cũng không tránh khỏi những khuyết điểm, không phải mọi người đều tốt, mọi việc đều hay mà mỗi con người đều có cái thiện, cái ác ở trong lòng. Vì vậy, phải thực hiện tự phê bình và phê bình để phần tốt ngày càng nhiều lên, phần xấu bị mất dần đi.

* Thái độ, phương pháp tự phê bình và phê bình: phải tiến hành thường xuyên như người ta rửa mặt hàng ngày; phải thẳng thắn, phải chân thành, phải trung thực không nể nang không giấu giếm và cũng không thêm bớt khuyết điểm, "phải có tình thương yêu lẫn nhau".

+ Kỷ luật nghiêm minh và tự giác: mọi tổ chức đảng, mọi cán bộ, Đảng viên đều bình đẳng trước điều lệ của Đảng, trước pháp luật của Nhà nước và mọi quyết định của Đảng. Đảng viên phải gương mẫu trong cuộc sống, công tác.

+ Đoàn kết thống nhất trong Đảng: đoàn kết thống nhất của Đảng phải dựa trên cơ sở lý luận là chủ nghĩa Mác - Lênin, cương lĩnh và điều lệ của Đảng, đường lối, quan điểm của Đảng, nghị quyết của tổ chức Đảng các cấp. Phải thực hiện dân chủ rộng rãi trong Đảng, thường xuyên và nghiêm chỉnh tự phê bình và phê bình, tu dưỡng đạo đức cách mạng, chống chủ nghĩa cá nhân...để xây dựng đoàn kết thống nhất trong Đảng.

- Cán bộ, công tác cán bộ của Đảng:

+ Cán bộ: Hồ Chí Minh quan niệm cán bộ là cái dây chuyền của bộ máy, là mắt khâu trung gian nối liền giữa Đảng, Nhà nước với nhân dân. Muôn việc thành công hay thất bại là do cán bộ tốt hay kém. Người cán bộ phải có đủ đức và tài, đức là gốc.

+ Công tác cán bộ là công tác gốc của Đảng, bao hàm các khâu có quan hệ chặt chẽ: tuyển chọn, đào tạo, huấn luyện, bồi dưỡng cán bộ, đánh giá đúng cán bộ, tuyển dụng, sắp xếp, bố trí cán bộ, thực hiện chính sách đối với cán bộ.

d. Xây dựng Đảng về đạo đức

- Hồ Chí Minh khẳng định: một Đảng chân chính cách mạng phải có đạo đức. Đạo đức tạo nên uy tín, sức mạnh của Đảng, giúp Đảng đủ tư cách lãnh đạo, hướng dẫn quần chúng nhân dân.

- Hồ Chí Minh yêu cầu: mỗi cán bộ, đảng viên phải thực sự thấm nhuần đạo đức cách mạng, thật sự cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư. Xây dựng, rèn luyện đạo đức phải gắn chặt cuộc đấu tranh chống chủ nghĩa cá nhân.

Chương 5

TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ ĐẠI ĐOÀN KẾT DÂN TỘC VÀ ĐOÀN KẾT QUỐC TẾ

I. Tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết dân tộc

1. Vai trò của đại đoàn kết dân tộc trong sự nghiệp cách mạng

a. Đại đoàn kết dân tộc là vấn đề có ý nghĩa chiến lược, quyết định thành công của cách mạng.

- Theo Hồ Chí Minh, trong thời đại mới, muốn cách mạng thành công và thành công đến nơi phải tập hợp được tất cả mọi lực lượng có thể tập hợp, xây dựng được khối đại đoàn kết dân tộc bền vững. Do đó, đại đoàn kết dân tộc là vấn đề có ý nghĩa chiến lược, cơ bản, nhất quán và lâu dài, xuyên suốt tiến trình cách mạng.

- Tùy từng đối tượng, trong từng thời kỳ, từng giai đoạn cách mạng, có thể và cần thiết phải điều chỉnh chính sách và phương pháp tập hợp lực lượng cho phù hợp nhưng đại đoàn kết dân tộc phải luôn được nhận thức là vấn đề sống còn, quyết định thành bại của cách mạng.

- Từ thực tiễn cách mạng, Hồ Chí Minh đã khái quát về vai trò của khối đại đoàn kết: đoàn kết làm ra sức mạnh, là then chốt của thành công; đoàn kết là điểm mẹ, điểm này mà thực hiện tốt thì đẻ ra con cháu tốt; “Đoàn kết, đoàn kết, đại đoàn kết; Thành công, thành công, đại thành công”,...

b. Đại đoàn kết dân tộc là mục tiêu, nhiệm vụ hàng đầu của cách mạng

- Trong tư tưởng Hồ Chí Minh, yêu nước - nhân nghĩa - đoàn kết là sức mạnh, là mạch nguồn của mọi thắng lợi. Do đó, đại đoàn kết dân tộc phải được xác định là nhiệm vụ hàng đầu của Đảng, phải được quán triệt trong mọi chủ trương đường lối, chính sách và hoạt động thực tiễn của Đảng.

- Đại đoàn kết dân tộc cũng là nhiệm vụ hàng đầu của mọi giai đoạn cách mạng bởi muốn cách mạng thành công Đảng phải dựa trên cơ sở đường lối đúng và trên cơ sở đó cụ thể hoá thành những mục tiêu, nhiệm vụ, phương pháp cách mạng phù hợp với từng giai đoạn lịch sử để tập hợp quần chúng, tạo thực lực cho cách mạng. Thực lực đó chính là khối đại đoàn kết dân tộc.

- Đại đoàn kết dân tộc còn là nhiệm vụ hàng đầu của cả dân tộc vì trong phong trào đấu tranh vì lợi ích của chính mình quần chúng nảy sinh nhu cầu đoàn kết, hợp tác. Đảng có sứ mệnh tập hợp các lực lượng đó trong khối đại đoàn kết, tạo sức mạnh tổng hợp trong cuộc đấu tranh cách mạng.

2. Lực lượng đại đoàn kết dân tộc

a. Đại đoàn kết dân tộc là đại đoàn kết toàn dân

- Hồ Chí Minh thường dùng khái niệm “dân”, “nhân dân” để chỉ “mọi con dân nước Việt”, không phân biệt dân tộc đa số hay thiểu số, có tín ngưỡng hay không tín ngưỡng, “không phân biệt già, trẻ, gái, trai, giàu nghèo, quý tiện”. Dân và nhân dân vừa được hiểu với tư cách là mỗi con người Việt Nam cụ thể, vừa là một tập hợp đông đảo quần chúng nhân dân.

- Hồ Chí Minh chủ trương tập hợp mọi người dân vào một khối trong cuộc đấu tranh chung. “Ai có tài, có đức, có sức, có lòng phụng sự Tổ quốc và phục vụ nhân dân thì ta đoàn kết với họ”.

- Trong quá trình xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân phải đứng trên lập trường giai cấp công nhân, giải quyết hài hoà mối quan hệ giai cấp - dân tộc để tập hợp lực lượng, không bỏ sót một lực lượng nào nếu họ có lòng trung thành và sẵn sàng phục vụ Tổ quốc, không là việt gian, không phản bội lại quyền lợi của dân chúng.

b. Điều kiện thực hiện đại đoàn kết dân tộc

- Phải kế thừa truyền thống yêu nước - nhân nghĩa - đoàn kết của dân tộc. Truyền thống đó là cội nguồn sức mạnh để chiến đấu và chiến thắng mọi thiên tai, địch hoạ, làm cho đất nước trường tồn, bản sắc dân tộc được giữ vững.

- Phải có lòng khoan dung, độ lượng với con người. Bác cho rằng: mỗi người đều có mặt tốt, mặt xấu. Vì lợi ích cách mạng, cần có lòng khoan dung độ lượng, trân trọng phần thiện trong mỗi người để có thể tập hợp, quy tụ rộng rãi mọi lực lượng. Người nêu rõ: “Bất kỳ ai mà thật thà tán thành hoà bình, thống nhất, độc lập, dân chủ thì dù những người đó trước đây chống chúng ta, bây giờ chúng ta cũng thật thà đoàn kết với họ”, cần xoá bỏ hết mọi thành kiến, thật thà hợp tác và giúp đỡ nhau cùng tiến bộ.

- Cần có niềm tin vào nhân dân, dựa vào dân, sống, đấu tranh vì hạnh phúc của nhân dân.

3. Hình thức tổ chức khối đại đoàn kết dân tộc

a. Hình thức tổ chức của khối đại đoàn kết dân tộc là mặt trận dân tộc thống nhất

- Trong tư tưởng Hồ Chí Minh, đại đoàn kết dân tộc phải trở thành một chiến lược cách mạng, phải trở thành khẩu hiệu hành động của toàn Đảng, toàn dân tộc. Nó phải biến thành sức mạnh vật chất, lực lượng vật chất có tổ chức. Tổ chức đó là mặt trận dân tộc thống nhất.

- Tùy từng thời kỳ cách mạng, tên gọi, cương lĩnh và điều lệ của Mặt trận có thể khác nhau song thực chất đó vẫn là tổ chức chính trị – xã hội rộng lớn của nhân dân Việt Nam, nơi quy tụ, tập hợp các giai cấp, tầng lớp, dân tộc, tôn giáo, đảng phái, các tổ chức và cá nhân yêu nước phấn đấu vì mục tiêu chung là độc lập dân tộc, thống nhất Tổ quốc, tự do và hạnh phúc của nhân dân.

b. Một số nguyên tắc cơ bản về xây dựng và hoạt động của Mặt trận dân tộc thống nhất

- Mặt trận dân tộc thống nhất phải xây dựng trên nền tảng khối liên minh công - nông - trí thức, đặt dưới sự lãnh đạo của Đảng.

- Mặt trận dân tộc thống nhất phải hoạt động trên cơ sở bảo đảm lợi ích tối cao của dân tộc, quyền lợi cơ bản của các tầng lớp nhân dân.

- Mặt trận dân tộc thống nhất phải hoạt động theo nguyên tắc hiệp thương dân chủ, bảo đảm đoàn kết ngày càng rộng rãi và bền vững.

- Mặt trận dân tộc thống nhất là khối đoàn kết chặt chẽ, lâu dài, đoàn kết thật sự, chân thành, thân ái, giúp đỡ nhau cùng tiến bộ.

II. Tư tưởng Hồ Chí Minh về đoàn kết quốc tế

1. Vai trò của đoàn kết quốc tế

a. Thực hiện đoàn kết quốc tế nhằm kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại, tạo sức mạnh tổng hợp cho cách mạng Việt Nam

- Hồ Chí Minh luôn có niềm tin bất diệt vào sức mạnh dân tộc. Song, khi tìm thấy con đường cứu nước, Người đã sớm xác định cách mạng Việt Nam là một bộ phận của cách mạng thế giới; cách mạng Việt Nam chỉ có thể thành công và thành công đến nơi khi đoàn kết chặt chẽ với phong trào cách mạng thế giới.

- Theo HỒ Chí Minh, đại đoàn kết dân tộc phải là cơ sở cho việc thực hiện đoàn kết quốc tế; đoàn kết quốc tế để tập hợp lực lượng bên ngoài, tranh thủ sự đồng tình, ủng hộ và giúp đỡ của bạn bè quốc tế, kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại, tạo thành sức mạnh tổng hợp cho cách mạng chiến thắng kẻ thù.

- Đại đoàn kết dân tộc là một trong những nhân tố quyết định thắng lợi của cách mạng Việt Nam, đoàn kết quốc tế là một nhân tố thường xuyên và hết sức quan trọng giúp cho cách mạng Việt Nam đi đến thắng lợi hoàn toàn.

b. Thực hiện đoàn kết quốc tế nhằm góp phần cùng nhân dân thế giới thực hiện thắng lợi các mục tiêu cách mạng của thời đại

- Trong tư tưởng HỒ Chí Minh, thực hiện đoàn kết quốc tế, kết hợp chặt chẽ chủ nghĩa yêu nước với chủ nghĩa quốc tế vô sản là nhằm góp phần cùng nhân dân thế giới thực hiện thắng lợi các mục tiêu cách mạng của dân tộc và thời đại. Chúng ta không chỉ chiến đấu vì độc lập, tự do của đất nước mình mà còn vì độc lập, tự do của các nước khác, không chỉ bảo vệ những lợi ích sống còn của dân tộc mình mà còn vì những mục tiêu cao cả của thời đại.

- Để tăng cường đoàn kết quốc tế phải kiên quyết đấu tranh chống lại mọi biểu hiện của chủ nghĩa dân tộc vị kỷ, chủ nghĩa sô - vanh và mọi thứ chủ nghĩa cơ hội khác.

2. Lực lượng đoàn kết và hình thức tổ chức

a. Các lực lượng cần đoàn kết

- Với phong trào cộng sản và công nhân thế giới: Đây là lực lượng nòng cốt của đoàn kết quốc tế. HỒ Chí Minh cho rằng sự đoàn kết giữa giai cấp vô sản quốc tế là một bảo đảm vững chắc cho thắng lợi của chủ nghĩa cộng sản. Người chỉ rõ: chủ nghĩa tư bản là một lực lượng phản động quốc tế, là kẻ thù chung của nhân dân lao động toàn thế giới. Do đó, chỉ có sức mạnh của sự đoàn kết, nhất trí, sự đồng tình và ủng hộ lẫn nhau của lao động toàn thế giới mới có thể chống lại được âm mưu của chủ nghĩa đế quốc.

- Với phong trào đấu tranh giải phóng dân tộc: HỒ Chí Minh sớm phát hiện ra âm mưu chia rẽ dân tộc của các nước đế quốc, tạo sự biệt lập, đối kháng và thù ghét dân tộc, chủng tộc... nhằm làm suy yếu phong trào đấu tranh giải phóng dân tộc ở các nước thuộc địa. Vì vậy, Người đã đề nghị Quốc tế Cộng sản có những

biện pháp để các dân tộc thuộc địa hiểu biết nhau hơn và đoàn kết lại. Đồng thời, Người cũng quan tâm tăng cường đoàn kết, hợp tác giữa cách mạng thuộc địa và cách mạng vô sản ở chính quốc để đảm bảo cho giai cấp công nhân quốc tế giành thắng lợi cuối cùng.

- Đối với các lực lượng tiến bộ, những người yêu chuộng hoà bình, dân chủ, tự do và công lý: trong thời đại mới, Hồ Chí Minh đã gắn cuộc đấu tranh vì độc lập ở Việt Nam với mục tiêu bảo vệ hoà bình, tự do, công lý và bình đẳng để tập hợp và tranh thủ sự ủng hộ của các lực lượng tiến bộ trên thế giới. Người đã nỗ lực đẩy mạnh ngoại giao nhà nước, ngoại giao nhân dân, xây dựng các quan hệ hữu nghị, đoàn kết với các lực lượng tiến bộ trên thế giới.

b. Hình thức tổ chức

- Dựa trên cơ sở các quan hệ về địa lý – chính trị, tính chất chính trị – xã hội trong khu vực và trên thế giới cũng như tình hình và nhiệm vụ cách mạng trong mỗi thời kỳ Hồ Chí Minh đã từng bước xây dựng và củng cố khối đoàn kết quốc tế.

- Tư tưởng đại đoàn kết vì thắng lợi cách mạng của Hồ Chí Minh đã định hướng cho việc hình thành bốn tầng mặt trận sau:

- + Mặt trận đại đoàn kết dân tộc
- + Mặt trận đoàn kết Việt – Miên – Lào
- + Mặt trận nhân dân Á - Phi đoàn kết với Việt Nam
- + Mặt trận nhân dân thế giới đoàn kết với Việt Nam chống đế quốc xâm lược

3. Nguyên tắc đoàn kết quốc tế

a. Đoàn kết trên cơ sở thống nhất mục tiêu và lợi ích, có lý, có tình

Muốn thực hiện được đoàn kết quốc tế phải tìm ra được những điểm tương đồng về mục tiêu và lợi ích giữa các dân tộc, các lực lượng tiến bộ và phong trào cách mạng thế giới

- Đối với phong trào cộng sản và công nhân quốc tế: Người gương cao ngạo cờ độc lập dân tộc gắn liền chủ nghĩa xã hội, thực hiện đoàn kết, thống nhất trên nền tảng chủ nghĩa Mác - Lênin và chủ nghĩa quốc tế vô sản, có lý, có tình.

+ Hồ Chí Minh chỉ rõ: đoàn kết giữa các Đảng là điều kiện quan trọng nhất để đoàn kết thống nhất phong trào cộng sản và công nhân quốc tế, đưa phong trào đến giành thắng lợi hoàn toàn. Để làm được điều đó phải đứng vững trên lập

trường giai cấp công nhân, quán triệt sâu sắc những nguyên tắc của chủ nghĩa quốc tế vô sản.

+ Có lý: phải tuân thủ những nguyên tắc cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin trên cơ sở vận dụng sáng tạo, có hiệu quả vào thực tế mỗi nước; xuất phát từ lợi ích chung của cách mạng thế giới.

+ Có tình: thông cảm, tôn trọng lẫn nhau trên tinh thần, tình cảm của những người cùng chung lý tưởng, chung mục tiêu đấu tranh. Lợi ích của mỗi quốc gia, dân tộc, mỗi đảng phải được tôn trọng, song không được phương hại đến lợi ích chung, lợi ích của đảng khác, dân tộc khác.

- Đối với các dân tộc trên thế giới: Hồ Chí Minh giương cao ngọn cờ độc lập, tự do và quyền bình đẳng giữa các dân tộc. Người luôn thực hiện nhất quán quan điểm có tính nguyên tắc: dân tộc Việt Nam tôn trọng độc lập, chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ và quyền tự quyết của tất cả các quốc gia, dân tộc trên thế giới, đồng thời mong muốn các quốc gia dân tộc trên thế giới quan hệ hợp tác, hữu nghị với Việt Nam trên cơ sở những nguyên tắc đó.

- Đối với các lực lượng tiến bộ trên thế giới: Hồ Chí Minh giương cao ngọn cờ hoà bình trong công lý, chống chiến tranh xâm lược.

b. Đoàn kết trên cơ sở độc lập, tự chủ, tự lực, tự cường

- Đoàn kết quốc tế là để nhằm tăng thêm nội lực. Để đoàn kết tốt phải có nội lực tốt. Vì vậy, Hồ Chí Minh cho rằng: nội lực là nhân tố quyết định, ngoại lực chỉ có thể phát huy tác dụng thông qua nội lực. Do đó, Người luôn nêu cao khẩu hiệu “Tự lực cánh sinh, dựa vào sức mình là chính”, “muốn người ta giúp cho, thì trước mình phải tự giúp lấy mình đã”. Người nhấn mạnh: phải có thực lực, thực lực là cái chiêng, ngoại giao là cái tiếng, chiêng có to tiếng mới lớn.

- Muốn tranh thủ được sự ủng hộ quốc tế, Đảng phải có đường lối độc lập, tự chủ và đúng đắn

Chương 6

TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ

XÂY DỰNG NHÀ NƯỚC CỦA DÂN, DO DÂN, VÌ DÂN

I. Xây dựng Nhà nước thể hiện quyền là chủ và làm chủ của nhân dân

1. Nhà nước của dân

- Tất cả mọi quyền lực trong Nhà nước và trong xã hội đều thuộc về nhân dân.
- Nhân dân có quyền kiểm soát Nhà nước, cử tri bầu ra các đại biểu, uỷ quyền cho các đại biểu đó bàn và quyết định những vấn đề quốc kế dân sinh; nhân dân có quyền bãi miễn những đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân nếu những đại biểu đó tỏ ra không xứng đáng với sự tín nhiệm của nhân dân.
- Người dân được hưởng mọi quyền dân chủ, có quyền làm bất cứ việc gì pháp luật không cấm và có nghĩa vụ tuân theo pháp luật. Quyền lực của dân được đặt ở vị trí tối thượng. Nhà nước có trách nhiệm bảo đảm quyền làm chủ của dân để dân thực thi quyền làm chủ của mình.

2. Nhà nước do dân

Theo Hồ Chí Minh, Nhà nước do dân là Nhà nước do dân lập nên, dân ủng hộ, dân làm chủ, dân tham gia quản lý Nhà nước. Cụ thể:

- Toàn bộ công dân bầu ra Quốc hội - cơ quan quyền lực cao nhất của Nhà nước, cơ quan duy nhất có quyền lập pháp
- Quốc hội bầu ra Chủ tịch nước, Uỷ ban Thường vụ Quốc hội và Hội đồng Chính phủ.
- Hội đồng Chính phủ là cơ quan hành chính cao nhất của Nhà nước, thực hiện các Nghị quyết của Quốc hội và chấp hành pháp luật.
- Mọi công việc của bộ máy nhà nước trong việc quản lý xã hội đều thực hiện ý chí của dân (thông qua Quốc hội do dân bầu ra)

3. Nhà nước vì dân

- Nhà nước vì dân là một nhà nước lấy lợi ích chính đáng của nhân dân làm mục tiêu, tất cả đều vì lợi ích của nhân dân; là nhà nước trong sạch, không có đặc quyền đặc lợi. Mọi đường lối chính sách đều chỉ nhằm đưa lại quyền lợi cho dân, việc gì có lợi

cho dân dù nhỏ cũng cố gắng làm, việc gì có hại cho dân dù nhỏ cũng cố gắng tránh.

- Cán bộ nhà nước đều phải làm công bộc, làm đầy tớ cho nhân dân.

II. Quan điểm của HỒ Chí Minh về sự thống nhất giữa bản chất giai cấp công nhân với tính nhân dân và tính dân tộc của Nhà nước

1. Về bản chất giai cấp công nhân của Nhà nước

- Trong tư tưởng HỒ Chí Minh, Nhà nước là nhà nước của dân, do dân, vì dân nhưng không phải là “Nhà nước toàn dân”.

- Theo quan điểm của HỒ Chí Minh, Nhà nước Việt Nam mới là một Nhà nước mang bản chất giai cấp công nhân. Vì:

+ Nhà nước do Đảng Cộng sản lãnh đạo. Thể hiện: Đảng lãnh đạo Nhà nước giữ vững và tăng cường bản chất giai cấp công nhân; Đảng lãnh đạo Nhà nước bằng phương thức thích hợp (bằng đường lối, quan điểm, chủ trương để Nhà nước thể chế hoá thành pháp luật, chính sách, kế hoạch; bằng hoạt động của các tổ chức đảng và đảng viên trong bộ máy, cơ quan nhà nước; bằng công tác kiểm tra.

+ Nhà nước tổ chức cho nhân dân xây dựng, phát triển đất nước theo định hướng XHCN.

+ Nguyên tắc tổ chức và hoạt động cơ bản của Nhà nước là nguyên tắc tập trung dân chủ.

2. Bản chất giai cấp công nhân thống nhất với tính nhân dân, tính dân tộc của Nhà nước.

Trong tư tưởng HỒ Chí Minh, sự thống nhất giữa bản chất giai cấp công nhân với tính nhân dân, tính dân tộc của Nhà nước được thể hiện trong những quan điểm sau:

- Nhà nước ta ra đời là kết quả cuộc đấu tranh lâu dài, gian khổ của nhiều thế hệ người Việt Nam qua quá trình dựng nước và giữ nước.

- Nhà nước ta bảo vệ lợi ích của nhân dân, lấy lợi ích của dân tộc làm cơ bản.

- Nhà nước ta làm nhiệm vụ của cả dân tộc giao phó, lãnh đạo nhân dân tiến hành các cuộc kháng chiến để bảo vệ nền độc lập, tự do của Tổ quốc; xây dựng

một nước Việt Nam hoà bình, thống nhất, độc lập, dân chủ và giàu mạnh, góp phần tích cực vào sự phát triển tiến bộ của thế giới.

III. Xây dựng Nhà nước có hiệu lực pháp lý mạnh mẽ

Trong tư tưởng HỒ Chí Minh, một Nhà nước có hiệu lực pháp lý mạnh mẽ được thể hiện trên những điểm sau:

- Xây dựng một Nhà nước hợp pháp, hợp hiến
- Hoạt động quản lý nhà nước bằng Hiến pháp, pháp luật và chú trọng đưa pháp luật vào cuộc sống:

- + HỒ Chí Minh khẳng định phải quản lý nhà nước bằng hệ thống luật, chú trọng đưa pháp luật vào đời sống, tăng cường kỷ cương phép nước.

- + Phải chăm lo xây dựng một nền pháp chế xã hội chủ nghĩa để đảm bảo quyền làm chủ thực sự của nhân dân.

- + Các cơ quan nhà nước phải gương mẫu chấp hành Hiến pháp, pháp luật. Mọi người phải hiểu và tuyệt đối chấp hành, bất kể người đó giữ cương vị nào; phải coi trọng công tác giáo dục pháp luật, đặc biệt cho thế hệ trẻ; phải chú trọng nâng cao dân trí, phát huy tính tích cực chính trị của nhân dân.

- + HỒ Chí Minh luôn chú ý đảm bảo tính nghiêm minh và hiệu lực của pháp luật. Điều đó đòi hỏi pháp luật phải đúng và đủ; phải tăng cường công tác tuyên truyền, giáo dục pháp luật cho mọi người dân; người thực thi pháp luật phải thật sự công tâm và nghiêm minh, không có ngoại lệ, bất kỳ ai vi phạm pháp luật cũng đều bị trừng trị nghiêm khắc, đúng người, đúng tội.

IV. Xây dựng Nhà nước trong sạch, vững mạnh, hoạt động có hiệu quả

1. Xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức đủ đức và tài

- HỒ Chí Minh luôn đề cao vị trí, vai trò của đội ngũ cán bộ, công chức. Người coi cán bộ “là cái gốc của mọi công việc”, “muôn việc thành công hay thất bại đều do cán bộ tốt hay kém”.

- Để xây dựng một nhà nước pháp quyền vững mạnh HỒ Chí Minh yêu cầu đội ngũ cán bộ công chức phải vừa có đức vừa có tài, trong đó đức là gốc; đội ngũ này phải được tổ chức hợp lý, có hiệu quả. Người yêu cầu đội ngũ cán bộ, công chức phải:

- + Tuyệt đối trung thành với cách mạng.

- + Hăng hái, thành thạo công việc, giỏi chuyên môn, nghiệp vụ.
- + Phải có mối liên hệ mật thiết với nhân dân.
- + Dám phụ trách, dám quyết đoán, dám chịu trách nhiệm, nhất là trong những tình huống khó khăn, "thắng không kiêu, bại không nản".
- + Phải thường xuyên tự phê bình và phê bình, luôn có ý thức và hành động vì sự lớn mạnh, trong sạch của Nhà nước.

2. Đề phòng và khắc phục những tiêu cực trong hoạt động của Nhà nước

Trong quá trình lãnh đạo cách mạng Bác đã đề cập đến những tiêu cực thường gặp sau trong bộ máy nhà nước và nhắc nhở mọi người đề phòng, khắc phục:

- Đặc quyền, đặc lợi: phải tẩy trừ những thói cậy mình là người trong cơ quan chính quyền để cửa quyền, hách dịch với dân, lạm quyền, đồng thời để vơ vét tiền của, lợi dụng chức quyền làm lợi cho cá nhân mình.

- Tham ô, lãng phí, quan liêu:

+ Hồ Chí Minh coi đây là "giặc nội xâm", "giặc ở trong lòng", thứ giặc còn nguy hiểm hơn giặc ngoại xâm. Người quan niệm: "tham ô, lãng phí và bệnh quan liêu dù cố ý hay không, cũng là bạn đồng minh của thực dân và phong kiến. Tội lỗi ấy cũng nặng như tội lỗi Việt gian, mật thám".

+ Người phê bình những người "lấy của công dùng vào việc tư"; lãng phí sức lao động, lãng phí thời giờ, tiền của; phê bình những người và cơ quan lãnh đạo từ cấp trên xuống cấp dưới không sát công việc thực tế, không theo dõi và giáo dục cán bộ, không gần gũi quần chúng, trọng hình thức mà không xem xét khắp mọi mặt, không đi sâu vào từng vấn đề.

+ Người cũng chỉ rõ: bệnh quan liêu ấp ủ, dung túng, che chở cho nạn tham ô, lãng phí. Vì vậy, đây là bệnh gốc sinh ra các bệnh tham ô, lãng phí; muốn trừ sạch bệnh tham ô, lãng phí thì trước mắt phải tẩy sạch bệnh quan liêu.

- Tư túng, chia rẽ, kiêu ngạo: những hành động này gây mất đoàn kết, gây rối cho công tác. Hồ Chí Minh lên án tệ kéo bè, kéo cánh, bà con bạn hữu không tài năng gì cũng kéo vào chức này chức nọ, người có tài, có đức nhưng không vừa lòng mình thì đẩy ra ngoài; phê phán hiện tượng gây mất đoàn kết, bệnh cậy thế, kiêu ngạo, "quan cách mạng,..."

3. Tăng cường tính nghiêm minh của pháp luật đi đôi với đẩy mạnh giáo dục đạo đức cách mạng.

- Hồ Chí Minh cho rằng kỷ cương, phép nước thời nào cũng cần và đều phải được áp dụng cho bất kì ai. Người yêu cầu pháp luật phải thẳng tay trừng trị những kẻ bất liêm, bất kì kẻ ấy ở địa vị nào, làm nghề gì.

- Cùng với pháp luật HỒ Chí Minh cũng dùng sức mạnh uy tín của mình để cảm hoá những người có lỗi lầm, kéo họ đi với cách mạng, giáo dục những người mắc khuyết điểm để họ tránh phạm pháp.

Chương 7

TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ VĂN HÓA, ĐẠO ĐỨC VÀ XÂY DỰNG CON NGƯỜI MỚI

I. Những quan điểm cơ bản của Hồ Chí Minh về văn hoá

1. Định nghĩa về văn hóa và quan điểm về xây dựng nền văn hóa mới

a. Định nghĩa về văn hoá

“Vì lẽ sinh tồn cũng như mục đích của cuộc sống, loài người mới sáng tạo và phát minh ra ngôn ngữ, chữ viết, đạo đức, pháp luật, khoa học, tôn giáo, văn học, nghệ thuật, những công cụ cho sinh hoạt hằng ngày về mặc, ăn, ở và các phương thức sử dụng. Toàn bộ những sáng tạo và phát minh đó tức là văn hóa. Văn hóa là sự tổng hợp của mọi phương thức sinh hoạt cùng với biểu hiện của nó mà loài người đã sản sinh ra nhằm thích ứng những nhu cầu đời sống và đòi hỏi của sự sinh tồn”.

b. Quan điểm về xây dựng một nền văn hoá mới

Hồ Chí Minh sớm đưa ra những định hướng cho việc xây dựng nền văn hoá dân tộc, đó là:

- Xây dựng tâm lý: tinh thần độc lập tự cường
- Xây dựng luân lý: biết hy sinh mình, làm lợi cho quần chúng
- Xây dựng xã hội: mọi sự nghiệp có liên quan đến phúc lợi của nhân dân trong xã hội.
- Xây dựng chính trị: dân quyền.
- Xây dựng kinh tế.

2. Quan điểm của Hồ Chí Minh về các vấn đề chung của văn hóa

a. Quan điểm về vị trí và vai trò của văn hóa trong đời sống xã hội

- Văn hóa là đời sống tinh thần của xã hội, thuộc kiến trúc thượng tầng. Văn hóa đặt ngang hàng với chính trị, kinh tế, xã hội, tạo thành bốn vấn đề chủ yếu của đời sống xã hội và các vấn đề này có quan hệ mật thiết. Trong công cuộc xây dựng đất nước, cả bốn vấn đề này phải được coi trọng như nhau.

+ Trong quan hệ với chính trị, xã hội: chính trị, xã hội có được giải phóng thì văn hóa mới được giải phóng. Chính trị giải phóng sẽ mở đường cho văn hóa phát triển. Để văn hoá phát triển tự do, phải làm cách mạng chính trị trước.

+ Trong quan hệ với kinh tế: kinh tế là nền tảng của việc xây dựng văn hóa. Kinh tế phải đi trước một bước, phải chú trọng xây dựng kinh tế để có điều kiện xây dựng và phát triển văn hoá.

- Văn hóa không thể đứng ngoài mà phải ở trong kinh tế và chính trị, phải phục vụ nhiệm vụ chính trị và thúc đẩy sự phát triển của kinh tế. Văn hóa có tính tích cực, chủ động, đóng vai trò to lớn như một động lực, thúc đẩy sự phát triển của kinh tế và chính trị.

Văn hóa phải ở trong kinh tế và chính trị nghĩa là:

+ Văn hóa phải tham gia thực hiện những nhiệm vụ chính trị, thúc đẩy xây dựng và phát triển kinh tế.

+ Kinh tế và chính trị cũng phải có tính văn hóa

b. Quan điểm về tính chất của nền văn hóa

Theo tư tưởng HỒ Chí Minh, nền văn hóa mới bao hàm ba tính chất: tính dân tộc, tính khoa học, tính đại chúng.

- Tính dân tộc: HỒ Chí Minh nhấn mạnh đến chiều sâu bản chất rất đặc trưng của văn hóa dân tộc, giúp phân biệt, không nhầm lẫn với văn hóa của các dân tộc khác. Tính dân tộc không chỉ thể hiện ở chỗ biết giữ gìn, kế thừa, phát huy những truyền thống tốt đẹp của dân tộc mà còn phải phát triển những truyền thống tốt đẹp ấy cho phù hợp với điều kiện lịch sử mới của đất nước.

- Tính khoa học: thể hiện ở tính hiện đại, tiên tiến, thuận với trào lưu tiến hóa của thời đại; đòi hỏi phải đấu tranh chống lại những gì trái với khoa học, phản tiến bộ, biết gạt bỏ khơi trong, kế thừa truyền thống tốt đẹp của dân tộc và tiếp thu tinh hoa văn hóa của nhân loại.

- Tính đại chúng: nền văn hóa phải phục vụ nhân dân và do nhân dân xây dựng nên

c. Quan điểm về chức năng của văn hóa

- Bồi dưỡng tư tưởng đúng đắn và những tình cảm cao đẹp: Văn hóa phải bồi dưỡng, nêu cao tư tưởng đúng đắn và tình cảm cao đẹp cho nhân dân, loại bỏ những sai lầm và thấp hèn có thể có trong tư tưởng, tình cảm của mỗi người.

+ Văn hóa phải làm cho ai cũng có lý tưởng tự chủ, độc lập, tự do; phải làm thế nào cho ai cũng có tinh thần “vì nước quên mình, vì lợi ích chung và quên lợi ích riêng”.

+ Văn hóa phải bồi dưỡng cho con người lòng yêu nước, thương dân, thương

yêu con người, yêu tính trung thực, chân thành, thủy chung, ghét những thói hư tật xấu,...

- Mở rộng hiểu biết, nâng cao dân trí: văn hóa có chức năng nâng cao dân trí để nhân dân có thể tham gia sáng tạo và hưởng thụ văn hóa, góp phần cùng Đảng “biến một nước dốt nát, cực khổ thành một nước văn hóa cao và đời sống tươi vui, hạnh phúc”.

- Bồi dưỡng những phẩm chất, phong cách và lối sống tốt đẹp, lành mạnh; hướng con người đến chân, thiện, mỹ để hoàn thiện bản thân; văn hóa phải thấm sâu vào tâm lý quốc dân, phải sửa đổi được những tham nhũng, lười biếng, phù hoa xa xỉ, văn hóa phải soi đường cho quốc dân đi.

3. Quan điểm của Hồ Chí Minh về một số lĩnh vực chính của văn hóa.

a. Văn hóa giáo dục

- Mục tiêu của văn hoá giáo dục: thực hiện 3 chức năng của văn hoá bằng dạy và học:

+ Dạy và học để mở mang dân trí, nâng cao kiến thức, bồi dưỡng tư tưởng đúng đắn và tình cảm cao đẹp, những phẩm chất trong sáng và lối sống lành mạnh cho nhân dân.

+ Đào tạo những con người mới vừa có đức, vừa có tài, những công dân biết làm chủ. Học không phải để lấy bằng cấp mà phải có thực học. Học để làm việc, làm người, làm cán bộ.

- Nội dung giáo dục: phải phù hợp với thực tiễn Việt Nam; giáo dục phải toàn diện, bao gồm cả văn hoá, chính trị, khoa học- kỹ thuật, chuyên môn nghề nghiệp, lao động. Những nội dung đó quan hệ chặt chẽ; phải tiến hành cải cách giáo dục nhằm xây dựng chương trình, nội dung, phương pháp dạy và học thật khoa học, hợp lý, đáp ứng đòi hỏi của cách mạng.

- Phương châm, phương pháp giáo dục:

+ Phương châm: học đi đôi với hành, lý luận liên hệ với thực tế; học tập kết hợp với lao động; phối hợp nhà trường - gia đình - xã hội; thực hiện dân chủ, bình đẳng trong giáo dục. Học ở mọi nơi, mọi lúc, học mọi người, học suốt đời. coi trọng việc tự học, tự đào tạo và đào tạo lại.

+ Phương pháp: phương pháp giáo dục phải phù hợp với mục tiêu giáo dục. Cách dạy phải phù hợp với trình độ người học, phù hợp với lứa tuổi, dạy từ dễ đến

khó; kết hợp học tập với vui chơi có ích, lành mạnh; giáo dục phải dùng phương pháp nêu gương, phải gắn liền với thi đua.

- Về đội ngũ giáo viên : quan tâm xây dựng đội ngũ giáo viên có đạo đức cách mạng, yêu nghề, yên tâm công tác, đoàn kết và hợp tác với đồng nghiệp, giỏi về chuyên môn, thuần thực về phương pháp. Giáo viên phải là tấm gương về đạo đức, về học tập.

b. Văn hóa văn nghệ

- Văn hoá - văn nghệ là một mặt trận, nghệ sỹ là chiến sỹ, tác phẩm văn nghệ là vũ khí sắc bén trong đấu tranh cách mạng.

+ Văn hóa như một “cuộc chiến khổng lồ” giữa chính và tà, giữa cách mạng và phản cách mạng. Cuộc chiến đó rất quyết liệt, lâu dài song rất vẻ vang. Trong cuộc chiến đó, người nghệ sỹ là chiến sỹ, tác phẩm văn nghệ là vũ khí đấu tranh. Người chiến sỹ nghệ thuật phải có lập trường vững, tư tưởng đúng, đặt lợi ích của kháng chiến, của Tổ quốc và nhân dân lên trên hết, trước hết.

+ Trước khi giành chính quyền, văn nghệ có nhiệm vụ thức tỉnh quần chúng, tập hợp lực lượng, cổ vũ cho thắng lợi của cách mạng. Sau khi có chính quyền, văn nghệ phải tham gia bảo vệ và xây dựng chế độ mới, con người mới.

- Văn nghệ phải gắn với thực tiễn đời sống của nhân dân.

+ Thực tiễn đời sống nhân dân là là nguồn chất liệu cho văn nghệ sáng tác. Từ thực tiễn đó, bằng tài năng sáng tạo và tinh thần nhân văn của mình văn nghệ sỹ sáng tạo ra những tác phẩm nghệ thuật. Để làm được điều đó, văn nghệ sỹ phải hoà mình với quần chúng, phải đi sâu vào đời sống nhân dân để hiểu tâm tư, tình cảm, nguyện vọng của họ.

+ Nhân dân không chỉ là người sáng tạo ra mọi của cải vật chất và tinh thần mà còn là người hưởng thụ và đánh giá các tác phẩm văn học - nghệ thuật một cách trung thực, khách quan và chính xác nhất.

- Phải có những tác phẩm văn nghệ xứng đáng với thời đại mới của đất nước và dân tộc.

+ Để thực hiện mục tiêu phục vụ quần chúng, các tác phẩm văn nghệ phải đạt tới sự thống nhất giữa nội dung và hình thức. Những tác phẩm ấy phải diễn đạt vừa đủ những điều đáng nói, ai đọc cũng hiểu được và khi đọc xong phải suy ngẫm; phải kế thừa được những tinh hoa văn hoá dân tộc, mang được hơi thở của thời đại, vừa phản ánh chân

thật những gì đã có trong đời sống, vừa phê phán cái dở, cái xấu, cái sai, hướng nhân dân đến cái chân, thiện, mỹ.

+ Các tác phẩm văn nghệ phải chân thực về nội dung, đa dạng, phong phú, về hình thức và thể loại.

c. Văn hóa đời sống

Trong tư tưởng Hồ Chí Minh, văn hoá đời sống thực chất là đời sống mới với ba nội dung: đạo đức mới, lối sống mới, nếp sống mới. Trong đó, đạo đức mới đóng vai trò chủ yếu vì chỉ dựa trên nền đạo đức mới thì mới xây dựng được lối sống mới và nếp sống mới.

- Đạo đức mới: để xây dựng đời sống mới trước hết phải xây dựng đạo đức mới. “Nêu cao và thực hành Cần, Kiệm, Liêm, Chính tức là nhen lửa cho đời sống mới”.

- Lối sống mới: là lối sống có lý tưởng, có đạo đức, là lối sống văn minh, tiên tiến, kết hợp hài hoà truyền thống tốt đẹp của dân tộc và tinh hoa văn hoá nhân loại. Để xây dựng lối sống mới Bác yêu cầu phải sửa đổi cách ăn, cách mặc, cách ở, cách đi lại, cách làm việc, nghĩa là phải sửa đổi phong cách sống, phong cách làm việc.

+ Phong cách sống: phải khiêm tốn, giản dị, chừa mực, ngăn nắp, vệ sinh, yêu lao động, quý thời gian, ít lòng ham muốn vật chất, chức - quyền - danh - lợi; cởi mở, chân tình, giàu lòng thương yêu, trân trọng con người, nghiêm khắc với mình, khoan dung, độ lượng với người,...

+ Phong cách làm việc: phải sửa đổi để có tác phong quần chúng, tác phong tập thể - dân chủ, tác phong khoa học. Ba loại tác phong này có quan hệ mật thiết với nhau.

- Nếp sống mới: xây dựng thói quen và phong tục tập quán tốt đẹp, kế thừa và phát triển những thuận phong mỹ tục lâu đời của dân tộc.

+ Xây dựng nếp sống mới không phải bỏ hết cái cũ, không phải cái gì cũng làm mới. Cái gì cũ mà xấu thì phải bỏ. Cũ mà không xấu nhưng phiền phức thì sửa đổi. Cái cũ mà tốt thì phát triển thêm. Mới mà hay thì phải làm, phải bổ sung.

II. Tư tưởng Hồ Chí Minh về đạo đức

1. Nội dung cơ bản của tư tưởng Hồ Chí Minh về đạo đức

a. Quan điểm về vai trò và sức mạnh của đạo đức

- Đạo đức là cái gốc của người cách mạng: Hồ Chí Minh khẳng định đạo đức là nguồn nuôi dưỡng và phát triển con người, như gốc của cây, nguồn của sông suối. Người cách mạng phải có đạo đức cách mạng làm nền tảng mới hoàn thành được nhiệm vụ cách mạng.

Trong tư tưởng Hồ Chí Minh, đức phải gắn với tài, lời nói đi đôi với hành động và hiệu quả trên thực tế. Đức và tài, hồng và chuyên, phẩm chất và năng lực thống nhất làm một. Trong đó, đức là gốc của tài, hồng là gốc của chuyên, phẩm chất là gốc của năng lực. Tài là thể hiện cụ thể của đức trong hiệu quả hành động.

- Đạo đức là nhân tố tạo nên sức hấp dẫn của CNXH. Theo Hồ Chí Minh sức hấp dẫn của CNXH trước hết là ở những giá trị đạo đức cao đẹp, ở những phẩm chất, ở tấm gương sống và hành động của người cộng sản.

b. Quan điểm về những chuẩn mực đạo đức cách mạng

- Trung với nước, hiếu với dân

+ Trung với nước: tuyệt đối trung thành với sự nghiệp dựng nước và giữ nước, trung thành với con đường đi lên của đất nước, suốt đời phấn đấu cho Đảng, cho cách mạng.

+ Hiếu với dân: thương dân, tin dân, hết lòng phục vụ dân. Muốn vậy, phải gần dân, kính trọng và học tập nhân dân, dựa vào dân, lấy dân làm gốc. Cán bộ lãnh đạo phải nắm vững dân tình, hiểu rõ dân tâm, thường xuyên quan tâm cải thiện dân sinh, nâng cao dân trí.

+ Trung với nước phải gắn liền hiếu với dân vì nước là nước của dân, còn dân là chủ nhân của đất nước; quyền hành và lực lượng đều ở dân, lợi ích đều vì dân.

- Cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư:

+ Cần: siêng năng, chăm chỉ; lao động có kế hoạch, có hiệu quả, có năng suất cao với tinh thần tự lực cánh sinh.

+ Kiệm: tiết kiệm thời gian, tiết kiệm công sức, tiết kiệm của cải,... của nước, của dân; không xa xỉ, không hoang phí, không phô trương, hình thức,...

+ Liêm: luôn tôn trọng của công, của dân; trong sạch, không tham lam tiền của, địa vị, danh tiếng.

+ Chính: thẳng thắn, đứng đắn.

- Đối với mình: không tự cao, tự đại, khiêm tốn học hỏi, phát triển cái hay hay, sửa chữa cái dở của bản thân.

- Đối với người: không nhìn người trên, không khinh người dưới, thật thà, không dối trá.

- Đối với việc: để việc công lên trên, lên trước, việc thiện nhỏ mấy cũng làm, việc ác nhỏ mấy cũng tránh.

+ Vai trò của phẩm chất cần, kiệm, liêm, chính:

- * Cán bộ, đảng viên nếu không giữ đúng những phẩm chất này thì dễ trở nên hủ bại, biến thành sâu mọt của dân.

- * Đối với một quốc gia, cần, kiệm, liêm, chính là thước đo sự giàu có về vật chất, sự vững mạnh về tinh thần, thể hiện sự văn minh, tiến bộ

- * Cần, kiệm, liêm, chính là nền tảng của đời sống mới, của các phong trào thi đua yêu nước.

+ Chí công vô tư: là công bằng, công tâm, không thiên tư, thiên vị; làm việc gì cũng không nghĩ đến mình trước, “lo trước thiên hạ, vui sau thiên hạ”; nêu cao chủ nghĩa tập thể, trừ bỏ chủ nghĩa cá nhân.

- Thương yêu con người, sống có tình nghĩa: người cách mạng phải có tình thương yêu với những người nghèo khổ, những người bị mất quyền, những người bị áp bức bóc lột. Nếu không có tình yêu thương đó thì không thể nói đến cách mạng.

+ Yêu thương con người phải được xây dựng trên lập trường giai cấp công nhân, thể hiện trong mối quan hệ hằng ngày với bạn bè, đồng chí, anh em. Nó đòi hỏi mỗi người phải chặt chẽ và nghiêm khắc với mình, rộng rãi, độ lượng, vị tha với người khác; phải tôn trọng quyền con người.

- Có tinh thần quốc tế trong sáng: tôn trọng, hiểu biết, thương yêu và đoàn kết với giai cấp vô sản toàn thế giới, với tất cả các dân tộc và nhân dân các nước, với những người tiến bộ; chống mọi sự chia rẽ, bất bình đẳng và phân biệt chủng tộc, chống chủ nghĩa dân tộc hẹp hòi, sô vanh, biệt lập, bành trướng bá quyền, nhằm thực hiện những mục tiêu lớn của thời đại là hòa bình, dân chủ và tiến bộ xã hội.

c. Quan điểm về những nguyên tắc xây dựng đạo đức mới

- Nói đi đôi với làm, phải nêu gương về đạo đức: Người coi đây là nguyên tắc quan trọng bậc nhất trong xây dựng nền đạo đức mới.

+ Nói đi đôi với làm là đặc trưng bản chất của tư tưởng đạo đức Hồ Chí Minh. Nói đi đôi với làm đối lập hoàn toàn với thói đạo đức giả của giai cấp bóc lột, nói một đằng, làm một nẻo, thậm chí nói mà không làm.

+ Nói đi đôi với làm phải gắn liền với nêu gương về đạo đức. Hồ Chí Minh cho rằng: “Một tấm gương sống còn có giá trị hơn một trăm bài diễn văn tuyên truyền”. Người chỉ rõ: hơn bất cứ một lĩnh vực nào khác, trong việc xây dựng một nền đạo đức mới, đạo đức cách mạng phải đặc biệt chú trọng đạo làm gương, phải chú ý phát hiện, xây dựng những điển hình người tốt, việc tốt trong các lĩnh vực.

- Xây đi đôi với chống:

+ Để xây dựng nền đạo đức mới phải kết hợp chặt chẽ giữa xây và chống. Xây phải đi đôi với chống, muốn xây phải chống, chống nhằm mục đích xây.

+ Xây dựng đạo đức mới trước hết phải được tiến hành bằng việc giáo dục những phẩm chất, những chuẩn mực đạo đức mới. Việc giáo dục đạo đức phải phù hợp với từng giai đoạn cách mạng, từng lứa tuổi, ngành nghề, giai cấp, tầng lớp và trong từng môi trường khác nhau, phải khơi dậy được ý thức đạo đức lành mạnh ở mỗi người.

+ Cùng với xây phải đấu tranh loại bỏ cái sai, cái xấu, cái vô đạo đức trong đời sống hàng ngày; chỉ có thể xây dựng được đạo đức mới trên cơ sở kiên trì mục tiêu chống chủ nghĩa đế quốc, chống những thói quen, tập quán lạc hậu và loại trừ chủ nghĩa cá nhân. Để chống thành công phải phát hiện sớm, phải tuyên truyền, vận động hình thành phong trào quần chúng rộng rãi.

- Phải tu dưỡng đạo đức suốt đời:

+ Bồi dưỡng tư tưởng mới để đánh thắng tư tưởng cũ, đoạn tuyệt với con người cũ để trở thành con người mới không phải là một công việc dễ dàng... Dù khó khăn gian khổ nhưng muốn cải tạo thì nhất định thành công.

+ Mỗi người phải tự giác rèn luyện đạo đức cách mạng thông qua hoạt động thực tiễn, trong công việc, trong các mối quan hệ; phải nhìn thẳng vào bản thân, thấy rõ cái hay, cái tốt, cái thiện để phát huy, thấy rõ cái dở, cái xấu, cái ác để khắc phục.

+ Phải kiên trì rèn luyện, tu dưỡng suốt đời như công việc rửa mặt hàng ngày. Bác viết: “Đạo đức cách mạng không phải trên trời sa xuống. Nó do đấu tranh, rèn luyện bền bỉ hàng ngày mà phát triển và củng cố. Cũng như ngọc càng mài càng sáng, vàng càng luyện càng trong”.

2. Sinh viên học tập và làm theo tư tưởng, tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh

a. Học tập và làm theo tư tưởng đạo đức Hồ Chí Minh

- Xác định đúng vị trí, vai trò của đạo đức đối với cá nhân
- Kiên trì tu dưỡng theo các phẩm chất đạo đức Hồ Chí Minh: yêu Tổ quốc, yêu nhân dân, yêu CNXH, yêu lao động, yêu khoa học và kỹ thuật.

b. Nội dung học tập theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh

- Thực trạng đạo đức lối sống trong sinh viên hiện nay: phần lớn sinh viên vẫn giữ được lối sống tình nghĩa, trong sạch, lành mạnh; khiêm tốn, cần cù, sáng tạo trong học tập; sống có bản lĩnh, có chí lập thân, lập nghiệp; gắn bó với nhân dân, đồng hành cùng dân tộc,... Bên cạnh đó, do nhiều nguyên nhân, một bộ phận sinh viên phai nhạt lý tưởng, mất phương hướng phấn đấu, sống thực dụng, thiếu trách nhiệm,...

- Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh:

+ Học trung với nước, hiếu với dân, suốt đời đấu tranh cho sự nghiệp giải phóng dân tộc, giải phóng giai cấp, giải phóng con người.

+ Học cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư, đời tư trong sáng, nếp sống giản dị và đức khiêm tốn phi thường.

+ Học đức tin tuyệt đối vào sức mạnh của nhân dân, kính trọng nhân dân và hết lòng, hết sức phục vụ nhân dân; luôn nhân ái, vị tha, khoan dung, nhân hậu với con người.

+ Học tấm gương về ý chí và nghị lực tinh thần to lớn, quyết tâm vượt qua mọi thử thách, gian nguy để đạt được mục đích cuộc sống.

III. Tư tưởng Hồ Chí Minh về xây dựng con người mới

1. Quan niệm của Hồ Chí Minh về con người

a. Con người được nhìn nhận như một chỉnh thể

- Hồ Chí Minh xem xét con người như một chỉnh thể thống nhất về tâm lực, thể lực và các hoạt động của nó. Con người luôn có xu hướng vươn tới chân, thiện, mỹ dù “có thể này, thể khác”.

- Hồ Chí Minh nhìn nhận con người trong tính đa dạng: đa dạng trong quan hệ xã hội, đa dạng trong tính cách, khát vọng, phẩm chất, khả năng, đa dạng trong hoàn cảnh xuất thân, điều kiện sống, làm việc,...

- Hồ Chí Minh cũng nhìn nhận con người trong sự thống nhất của hai mặt đối lập: thiện và ác, hay và dở, tốt và xấu, hiền và dữ,...., bao gồm cả tính người - mặt xã hội và tính bản năng - mặt sinh học của con người nhưng “dù là xấu, tốt, văn minh hay dã man đều có tình”.

b. Con người cụ thể, lịch sử

Hồ Chí Minh thường xem xét con người cụ thể, hiện thực, khách quan trong các mối quan hệ xã hội, quan hệ giai cấp, theo giới tính, theo lứa tuổi, nghề nghiệp,...

c. Bản chất con người mang tính xã hội

Hồ Chí Minh quan niệm con người là sự tổng hợp các quan hệ xã hội từ hẹp đến rộng, chủ yếu bao gồm các quan hệ: anh em, họ hàng, bầu bạn, đồng bào, loài người.

2. Quan điểm của Hồ Chí Minh về vai trò của con người và chiến lược "trồng người".

a. Về vai trò của con người

- Con người là vốn quý nhất, nhân tố quyết định thành công của sự nghiệp cách mạng: Theo Người "trong bầu trời không có gì quý bằng nhân dân, trong thế giới không gì mạnh bằng lực lượng đoàn kết của nhân dân". Vì vậy, "vô luận việc gì đều do người làm ra và từ nhỏ đến to, từ gần đến xa, đều thế cả". "Việc dễ mấy không có nhân dân cũng chịu, việc khó mấy có dân liệu cũng xong". Nhân dân là người sáng tạo ra mọi giá trị vật chất và tinh thần; là yếu tố quyết định thành công của cách mạng.

- Con người vừa là mục tiêu, vừa là động lực của cách mạng; phải coi trọng, chăm sóc, phát huy nhân tố con người.

+ Điểm xuất phát và mục đích cuối cùng của sự nghiệp cách mạng Hồ Chí Minh là con người, cho con người, vì sự tự do, ấm no, hạnh phúc của con người. Vì thế, mọi chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng, Chính phủ đều vì

lợi ích chính đáng của con người.

+ Hồ Chí Minh có niềm tin mãnh liệt vào sức mạnh vĩ đại và năng lực sáng tạo của quần chúng. Người khẳng định: “muốn xây dựng CNXH, trước hết phải có con người XHCN”, “có dân thì có tất cả”. Nếu không có nhân dân thì Chính phủ không đủ lực lượng, nếu không có Chính phủ thì nhân dân không có ai dẫn đường. Đảng lãnh đạo nhưng dân là chủ. Lực lượng bao nhiêu là nhờ ở dân hết. Vì vậy, phải chống bệnh xa nhân dân, khinh nhân dân, sợ nhân dân, không tin nhân dân.

+ Con người là động lực của cách mạng được nhìn nhận trên phạm vi cả nước, toàn thể đồng bào, song trước hết là ở giai cấp công nhân và nông dân. Nhưng, không phải mọi con người đều trở thành động lực, mà phải là những con người được giác ngộ và tổ chức. Họ phải có trí tuệ và bản lĩnh, văn hoá, đạo đức.

+ Giữa con người - mục tiêu và con người - động lực có mối quan hệ biện chứng: càng chăm lo cho con người - mục tiêu tốt bao nhiêu thì sẽ phát huy con người - động lực tốt bấy nhiêu. Ngược lại, tăng cường được sức mạnh của con người - động lực thì sẽ nhanh chóng đạt được mục tiêu cách mạng.

b. Về chiến lược “trồng người”

- “Trồng người” là yêu cầu khách quan, vừa cấp bách, vừa lâu dài của cách mạng; con người phải được đặt vào vị trí trung tâm của sự phát triển.

- Muốn xây dựng CNXH, trước hết cần có những con người XHCN. Con người XHCN phải kế thừa những giá trị tốt đẹp của con người truyền thống, đồng thời, hình thành những phẩm chất mới như: có tư tưởng và đạo đức XHCN; có trí tuệ và bản lĩnh để làm chủ; có tác phong XHCN; có lòng nhân ái, vị tha, độ lượng.

- Chiến lược “trồng người” là một trọng tâm, một bộ phận hợp thành của chiến lược phát triển kinh tế - xã hội. Để “trồng người” cần có nhiều biện pháp nhưng giáo dục và đào tạo là biện pháp quan trọng bậc nhất. Nội dung và phương pháp giáo dục phải toàn diện; phải kết hợp giữa nhận thức và hành động, lời nói và việc làm.

+ Trồng người là việc “trăm năm”, không thể nóng vội. Nhận thức, giải quyết vấn đề này có ý nghĩa thường trực, bền bỉ trong suốt cuộc đời, trong suốt thời kỳ quá độ.